

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thu Thảo

Mã SV:1113401017

Lớp: QTL 501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha
 - Đánh giá ưu nhược điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2012 của Công ty Cổ phần Alpha.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Alpha

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Thu Thảo

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Alpha, có số liệu minh họa cụ thể (quý 4 năm 2012). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Alpha, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I	3
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.2.1 Doanh thu	4
1.1.2.2 Chi phí.....	8
1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	9
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	10
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.....	10
1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng	11
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	14
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	18
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	19
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	21
1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	22
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.....	22
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.....	23
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	24
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng.....	24

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng.....	24
--------------------------------	----

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	25
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	26
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	26
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	28
1.2.7 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	29
1.2.7.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.2.7.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	30
1.2.7.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	31
1.2.7.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	32
1.2.7.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
CHƯƠNG II.....	35
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA.....	35
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA	35
2.1.1 Quá trình hình thành phát triển	35
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh	36
2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty	37
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Alpha.	38
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	38
2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty	39
2.1.4.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản	39
2.1.4.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán.....	39
2.1.4.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty.....	41
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.....	41
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Alpha	41
2.2.1.1 Nội dung của doanh thu tại Công ty Cổ phần Alpha	41
2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	42
2.2.1.3 Quy trình hạch toán.....	42
2.2.1.4 Ví dụ minh họa.....	43
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Alpha.....	48
2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Alpha	48
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	48
2.2.2.3 Quy trình hạch toán.....	48
2.2.2.4 Ví dụ minh họa.....	49
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	54

2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Alpha	54
2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	54
2.2.3.3 Quy trình hạch toán.....	55
2.2.3.4 Ví dụ minh họa.....	55
2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Alpha	59
2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Alpha.....	60
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	60
2.2.4.3 Quy trình hạch toán.....	60
2.2.4.4 Ví dụ minh họa	61
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	67
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha.....	67
2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	67
2.2.6.2 Quy trình hạch toán.....	67
2.2.6.3 Ví dụ minh họa.....	67
CHƯƠNG III.....	73
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA.....	73
3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA.....	73
3.1.1 Ưu điểm.....	73
3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA.....	76
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Alpha.....	76
3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán. ...	77
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha.	77
3.2.3.1: Hiện đại hóa công tác kế toán.....	77
3.2.3.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Alpha.....	81
3.2.3.3 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	89
KẾT LUẬN.....	90

LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng đang tiến hành hội nhập với thế giới, đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp phát triển. Để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp luôn cố gắng, nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của mình. Do phương thức và mặt hàng kinh doanh ngày càng phong phú và đa dạng nên từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Alpha, từ những kiến thức đã được học và thực tiễn, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha”***.

Bài khóa luận của em bao gồm 3 chương chính như sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần Alpha đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khoá luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết
quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo nguyên tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

❖ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

❖ Đối với nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ Đối với tổ chức trung gian tài chính:

Đối với các Ngân hàng, các Công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra các quyết định có nên cho vay không đối với doanh nghiệp đó.

❖ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**1.1.2.1 Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Theo chuẩn mực số 14 thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi người doanh nghiệp giao hàng, người mua kí vào hóa đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận đã nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức bán hàng gửi đại lý

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

❖ Phương thức hàng đổi hàng

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung ứng trên thị trường.

➤ *Doanh thu bán hàng nội bộ:*

Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...

➤ *Các khoản giảm trừ doanh thu:*

✓ ***Chiết khấu thương mại:*** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ ***Giảm giá hàng bán:*** là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp: hàng hóa bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng...

✓ ***Hàng bán bị trả lại:*** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng

chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ tương ứng với doanh thu đã xác định.

➤ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

➤ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2 Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau:

➤ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như: chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng...

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của doanh

nghiệp như: chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản thuế lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

➤ **Chi phí hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

➤ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có).

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần về bán hàng} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} &\quad \text{và cung cấp dịch vụ} \quad \text{trừ doanh thu} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} &= \text{Doanh thu thuần về bán hàng} - \text{Giá vốn} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} &\quad \text{và cung cấp dịch vụ} \quad \text{hàng bán} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần} &= \text{Lợi nhuận gộp} - \text{Doanh thu} - \text{Chi phí} - \text{Chi phí} - \text{Chi phí} \\ \text{từ hoạt động} &= \text{về bán hàng} + \text{hoạt động} - \text{tài} - \text{bán} - \text{QL} \\ \text{kinh doanh} &\quad \text{và cc dịch vụ} \quad \text{tài chính} \quad \text{chính} \quad \text{hàng} \quad \text{DN} \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp, doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng

- Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Ủy nhiệm thu
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511:

✚ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty bán theo giá nội bộ.

+ Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

+ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

+ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

+ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

+ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.**❖ Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

+ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

+ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

+ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.**❖ Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

+ Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

+ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

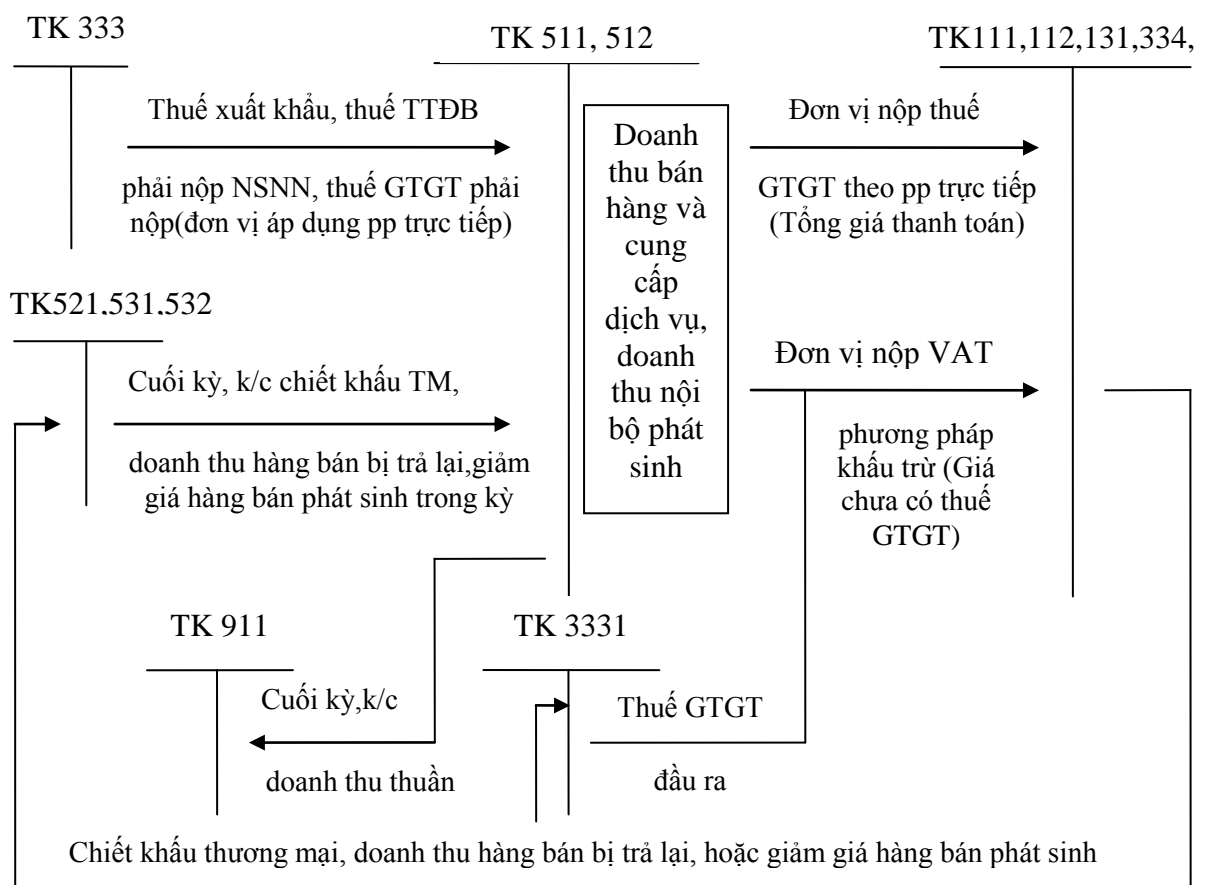
Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332): là loại thuế được đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

- Thuế xuất khẩu (TK 3333): là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp (TK 3331): là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

- **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- **Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

- Phương pháp giá thực tế đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

▪ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

+ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

+ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

▪ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

+ Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

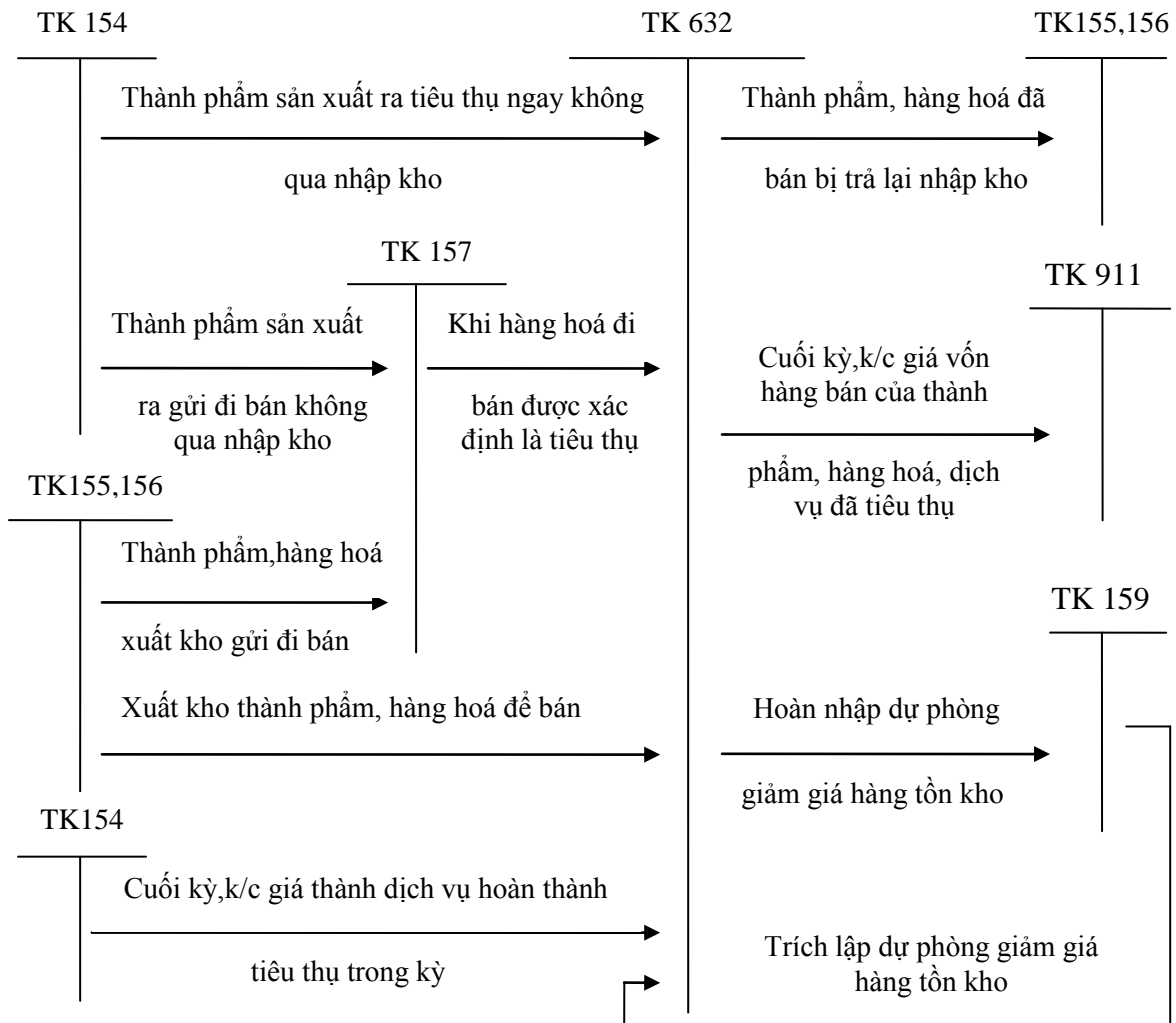
+ Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

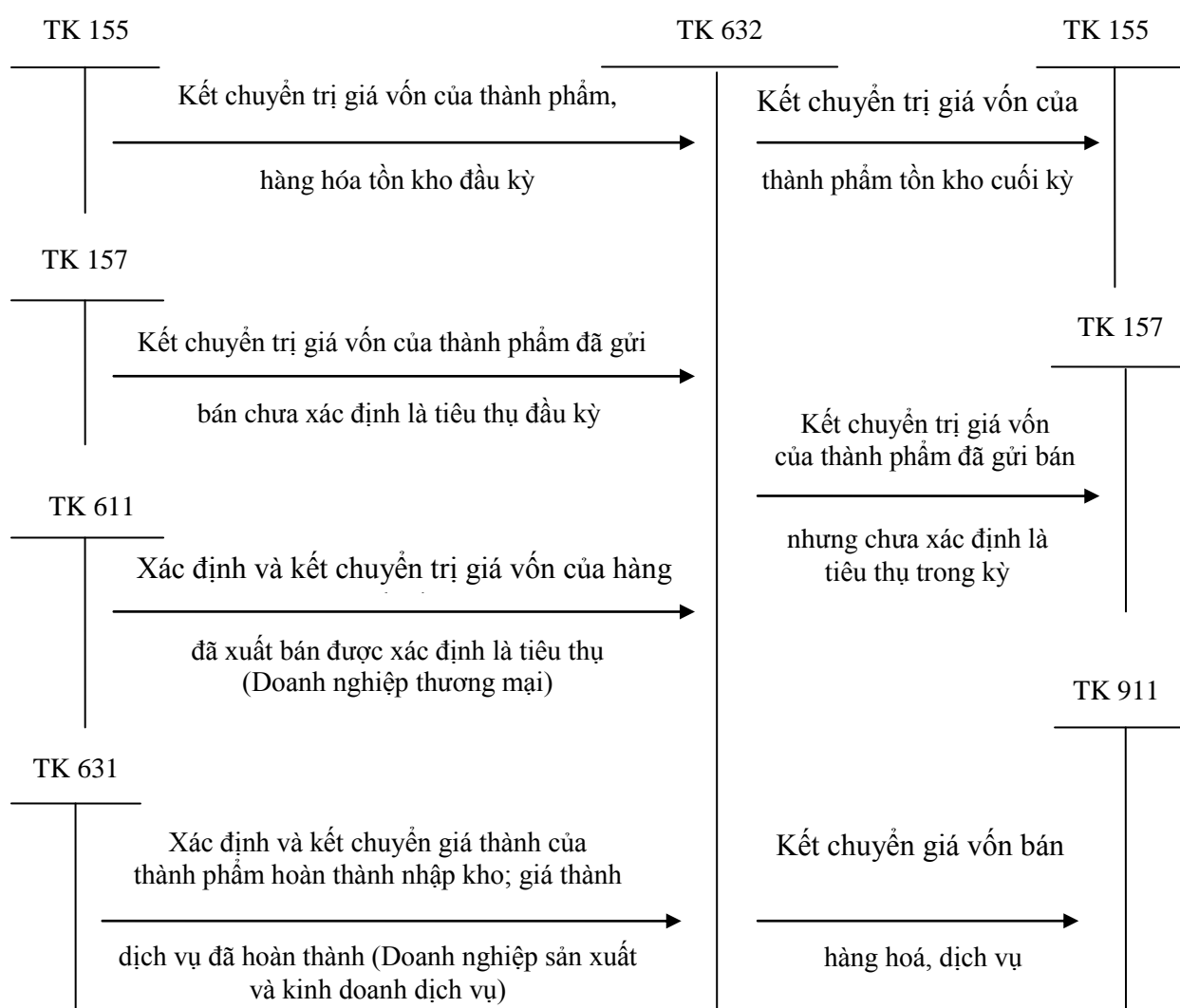
+ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát thông qua sơ đồ 1.2 và 1.3:



Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

+ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

+ Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định.

+ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

+ Bên Có:

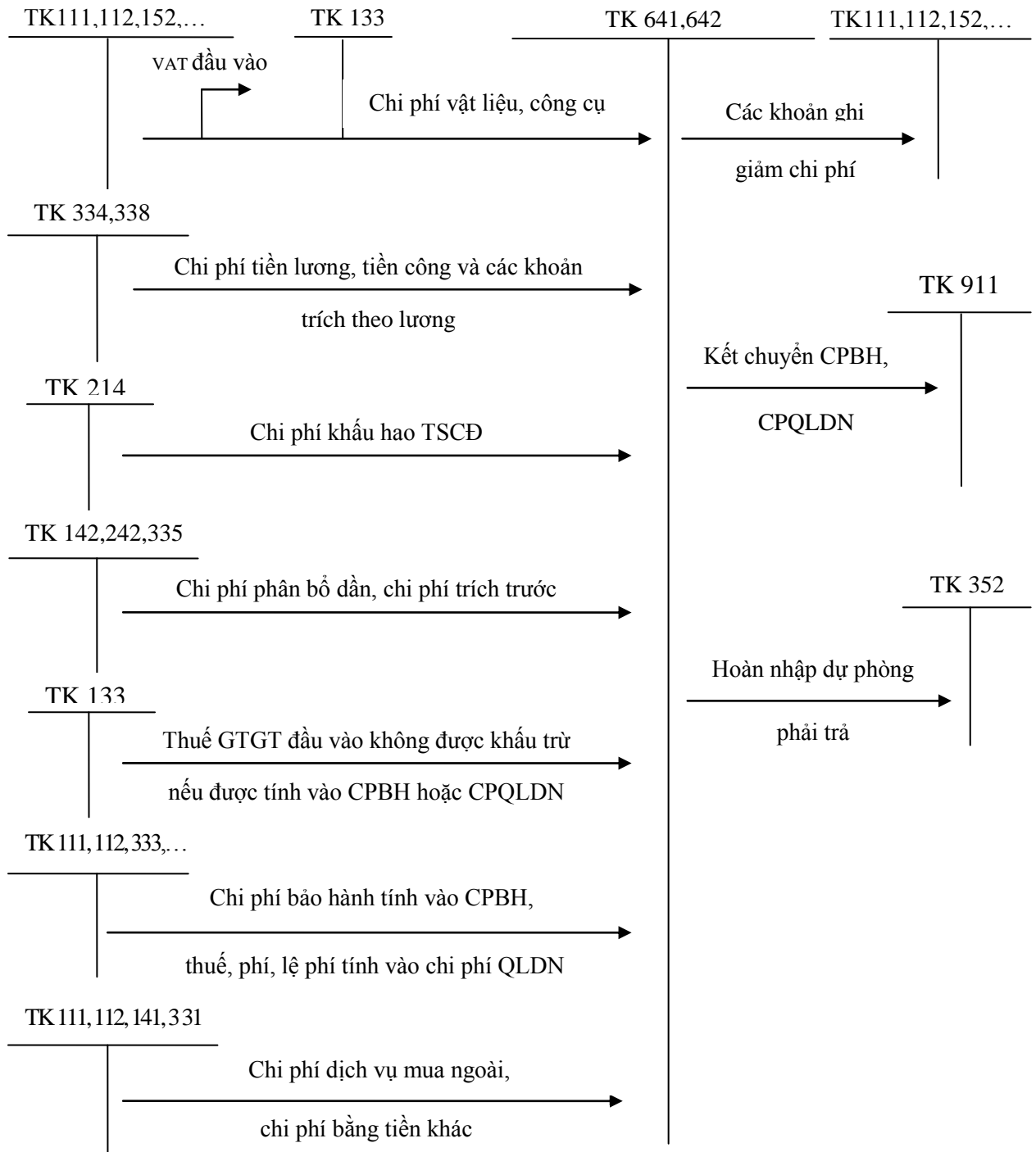
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát thông qua sơ đồ 1.4:



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**1.2.4.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng**❖ TK 515 – Doanh thu tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

+ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ**❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

+ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.

- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

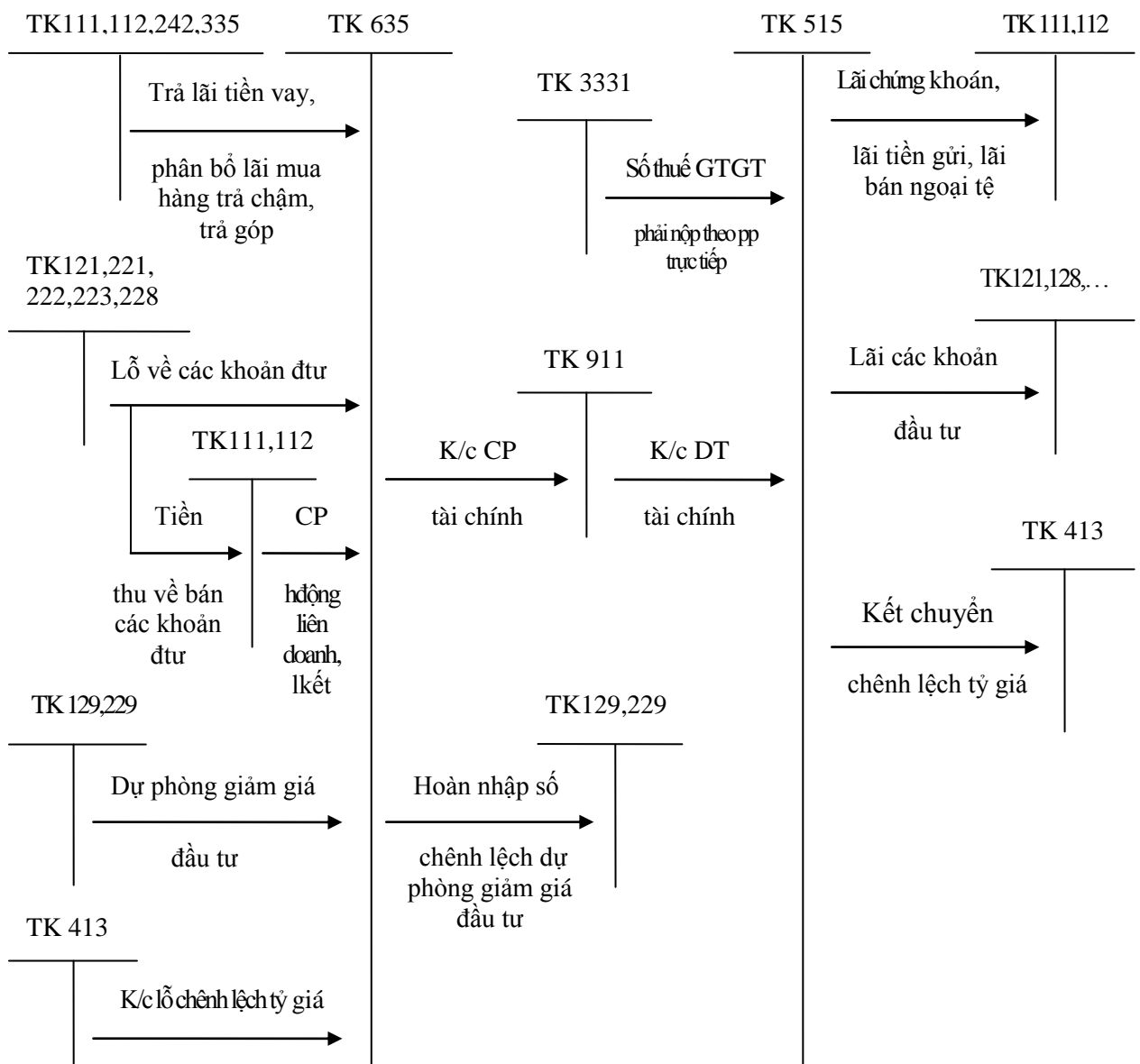
✚ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✚ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được khái quát thông qua sơ đồ 1.5:



Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

+ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

+ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

+ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

+ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ**1.2.5.3 Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.6:

+ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

+ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ**❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

+ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

+ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

+ Bên Có:

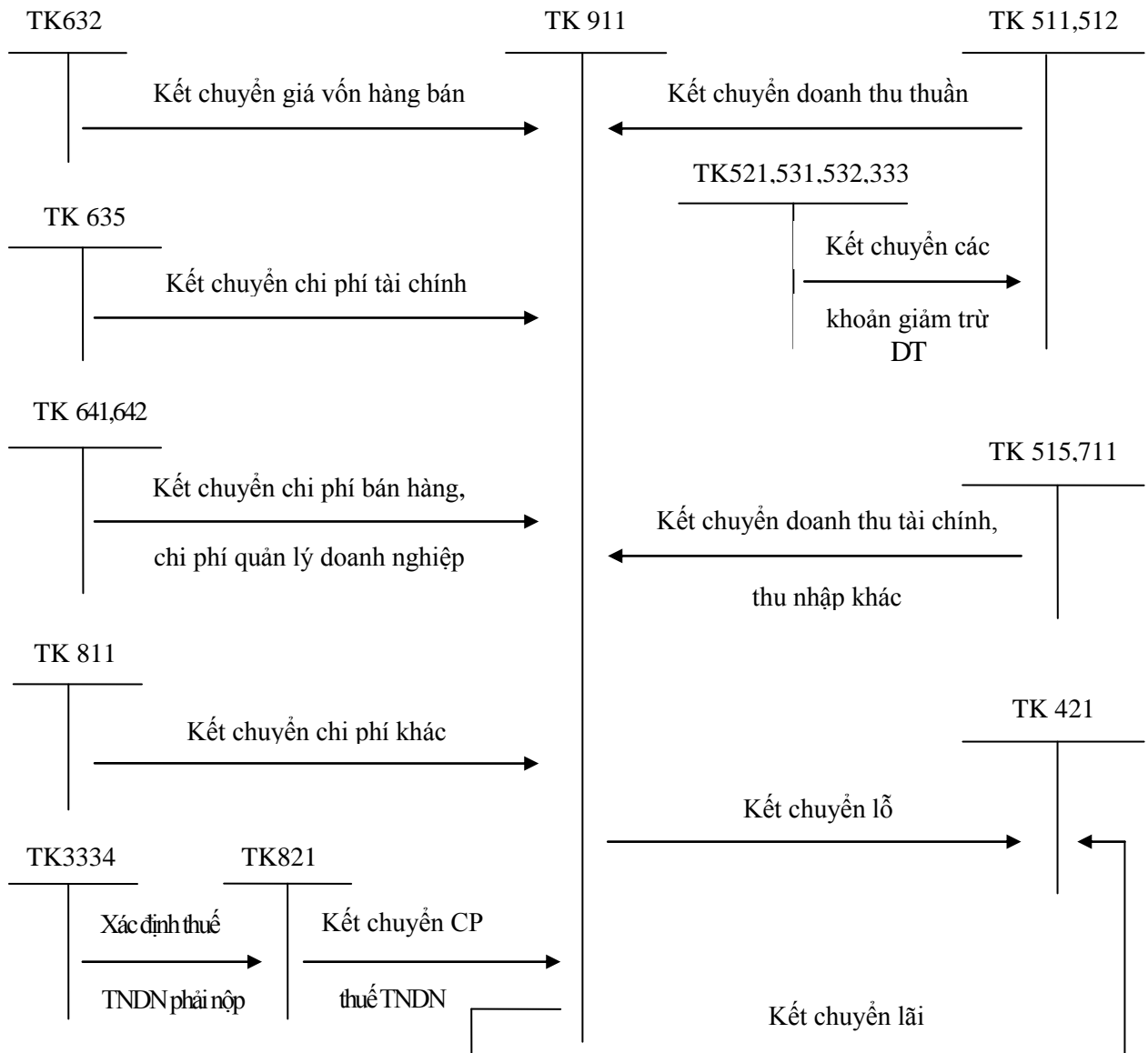
- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

+ Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7:



Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

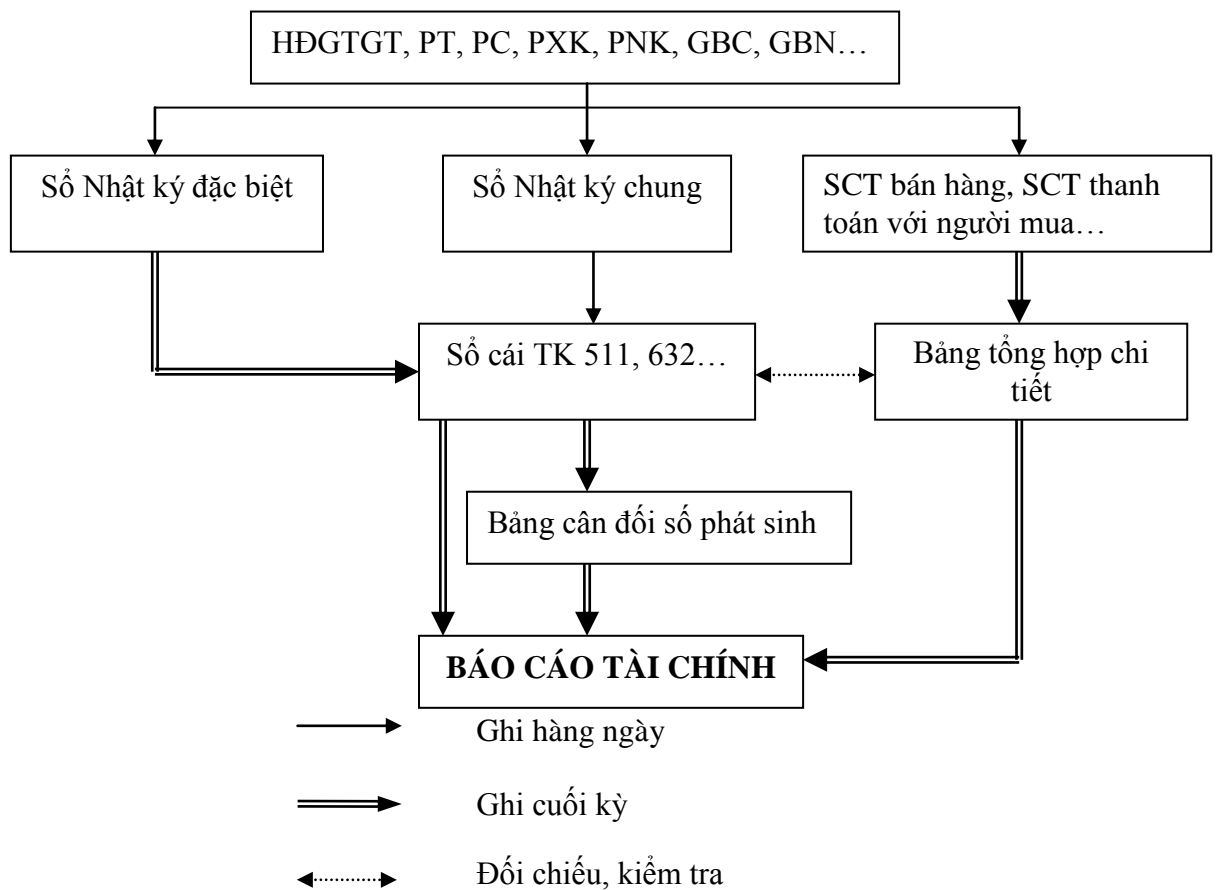
1.2.7.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ *Trình tự ghi sổ*: Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

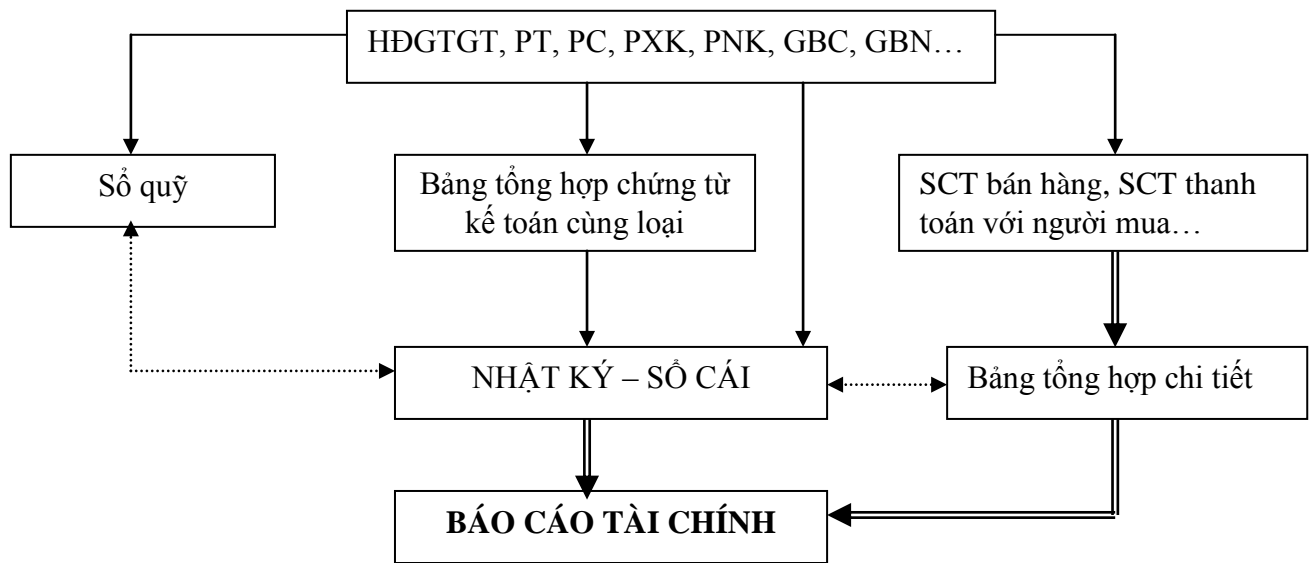
1.2.7.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

❖ *Đặc trưng cơ bản*: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- ❖ *Trình tự ghi sổ:* Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.9



- Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối kỳ
 <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

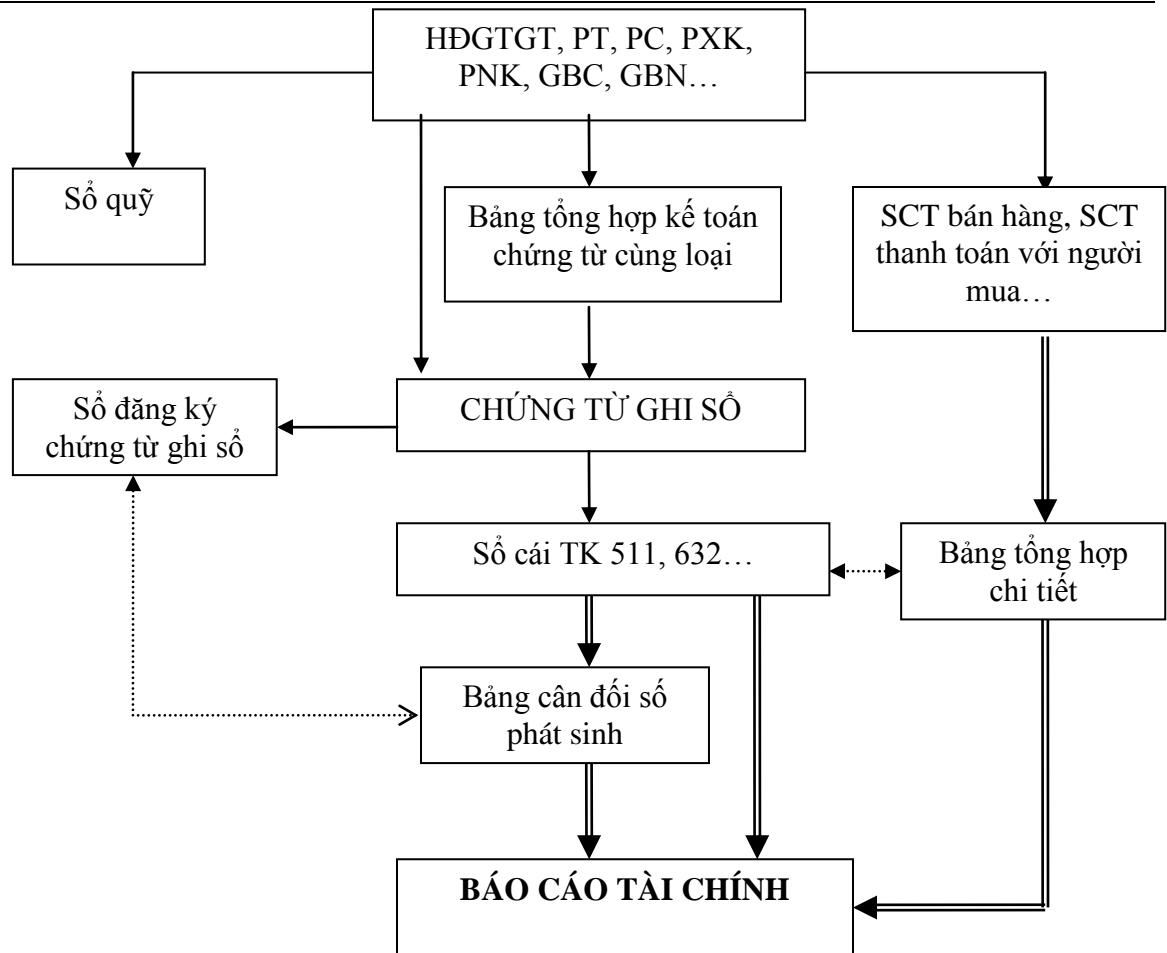
1.2.7.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

❖ *Trình tự ghi sổ:* Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.10



- Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

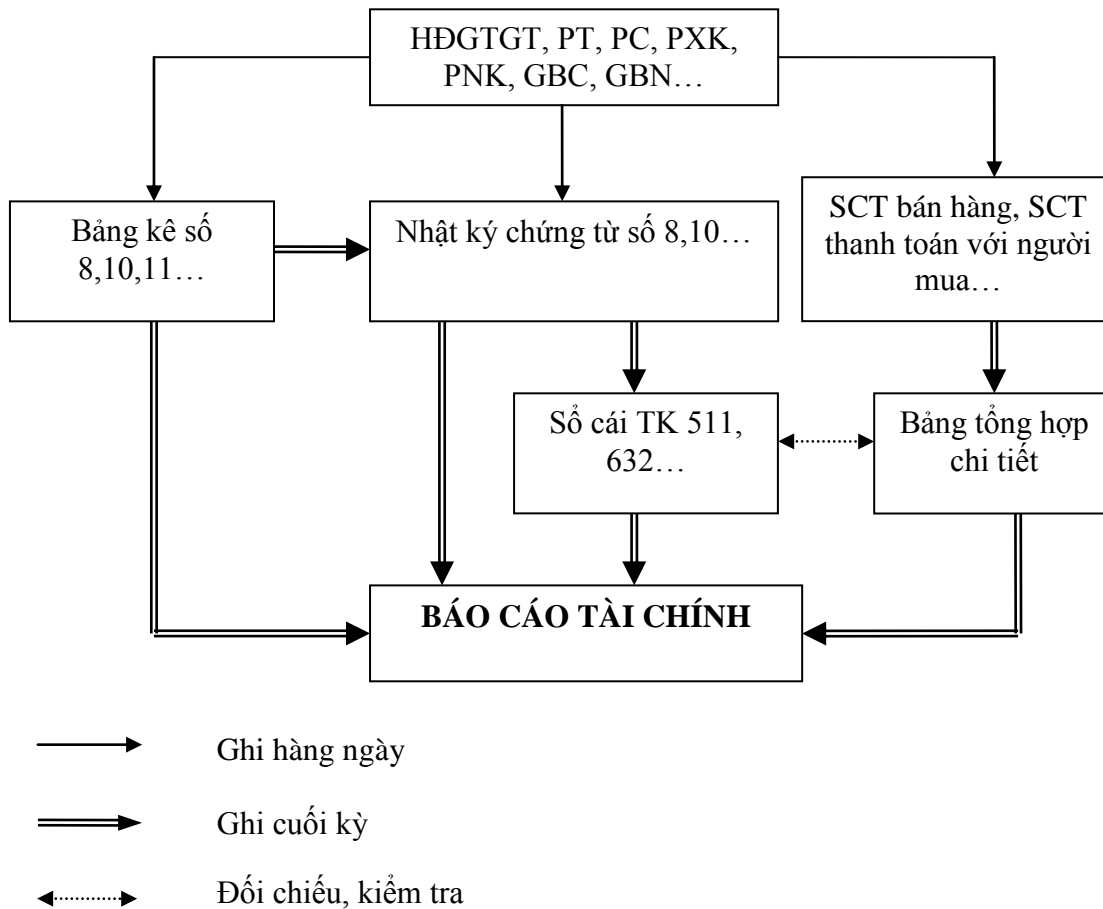
1.2.7.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

- ❖ *Trình tự ghi sổ*: Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.11



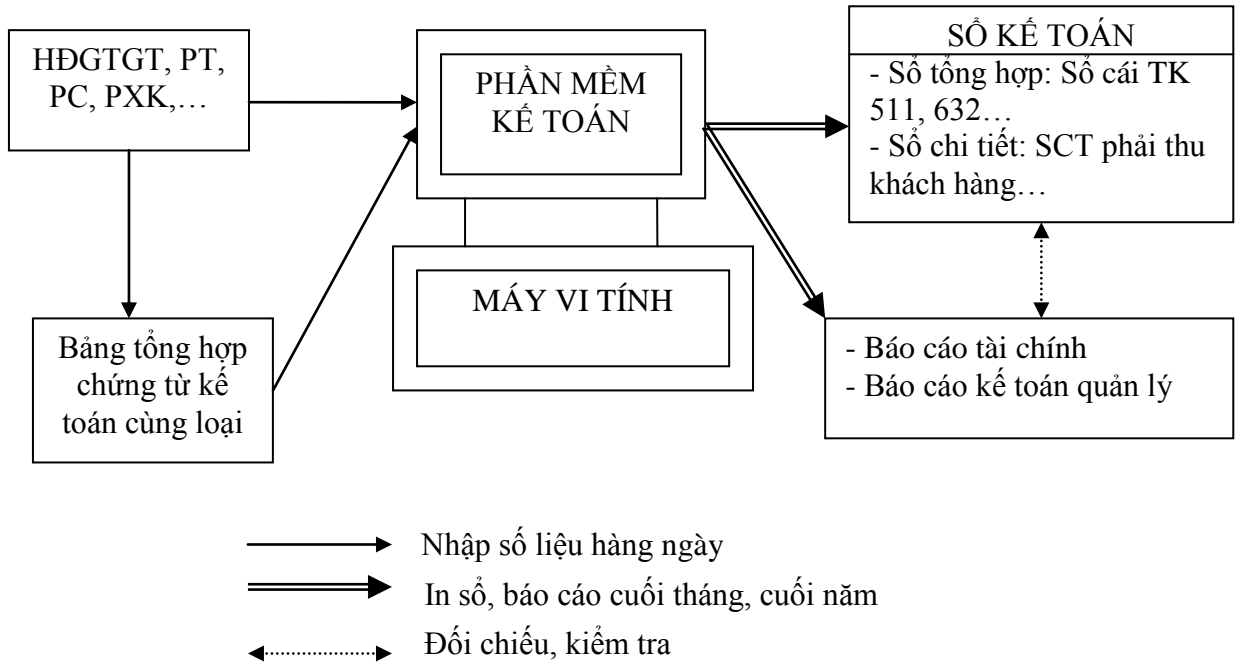
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

1.2.7.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ *Đặc trưng cơ bản*: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

❖ *Các loại sổ chủ yếu*: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.

- ❖ *Trình tự ghi sổ*: Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ 1.12



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA****2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA****2.1.1 Quá trình hình thành phát triển**

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000429 ngày 10 tháng 4 năm 2003 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về công ty :

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA
- Tên tiếng Anh: ALPHA JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: ALPHA JS.,CO
- Đăng ký lần đầu ngày 10/04/2003
- Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/06/2003
- Mã số thuế: 0200549774
- Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Hải Phòng
- Fax: 0313.559076
- Điện thoại: 0313.559076/0313.978177
- Các ngành nghề đăng kí kinh doanh:
 - + Kinh doanh, sản xuất vật liệu xây dựng
 - + Kinh doanh và đại lý vật tư, máy móc công nghiệp, dân dụng
 - + Vận tải hàng hóa đường thủy, bộ và dịch vụ xếp dỡ hàng hóa
 - + Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí, vật tư kim khí
 - + Dịch vụ xuất nhập khẩu
- Địa điểm kinh doanh: Cửa hàng kinh doanh số 1 – Địa chỉ: Số 19 khu Kiềm Sơn, phường Đằng Lâm, quận Hải An, Hải Phòng
- * Danh sách cổ đông sáng lập:
 - Bà Đàm Thị Kim Hoa: 35% tỷ lệ cổ phần
 - Ông Đỗ Ngọc Hiểu : 60% tỷ lệ cổ phần
 - Bà Đàm Thị Xuân Phương: 5% tỷ lệ cổ phần

Công ty Cổ phần Alpha là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của Nhà nước.

Đi vào hoạt động được gần 10 năm nhưng cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh thương mại chủ yếu là thép Việt – Úc nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho xây dựng. Công ty hoạt động kinh doanh trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là thách thức của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp

Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đạt được những thành quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

- **Thuận lợi:**

- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của chủ tịch Hội đồng quản trị và các đơn vị hợp tác.

- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ năng động, có thời gian công tác tại Công ty nhiều năm, có tinh thần đoàn kết năng động sáng tạo và ý thức xây dựng Công ty phát triển.

- Doanh nghiệp đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Doanh nghiệp luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu trong việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí cho Ngân sách Nhà nước và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên.

- **Khó khăn**

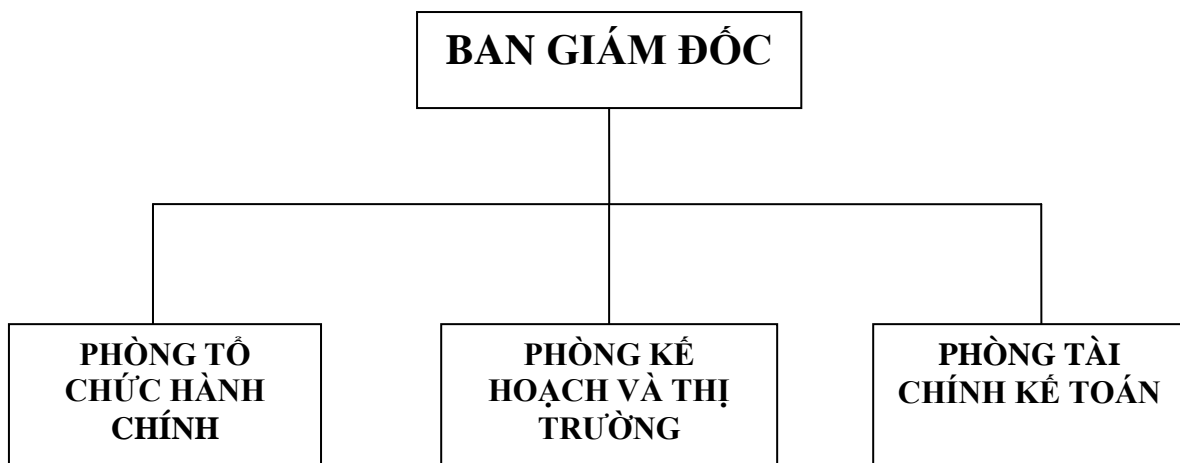
- Từ năm 2009 nền kinh tế Việt Nam suy thoái gây khó khăn cho Công ty trong việc phát triển khách hàng.

- Trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi doanh nghiệp cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

Trong giai đoạn hiện nay, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Alpha

- Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban trong Công ty

- **Giám đốc:** là người trực tiếp quản lý cao nhất của Công ty, là người đại diện pháp nhân của Công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về các hoạt động của Công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong Công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty.

- **Phó Giám đốc:** là người giúp Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi nhiệm vụ được giao, được phân công và được ủy quyền. Phó Giám đốc phải thường xuyên báo cáo với Giám đốc về công việc và nhiệm vụ được giao.

- **Phòng tổ chức hành chính**: chịu trách nhiệm tham mưu cho ban giám đốc về: tổ chức nhân sự, quản lý cán bộ, công tác văn phòng, văn thư, lưu trữ, y tế, các công tác liên quan tới đảm bảo an ninh, quan hệ với địa phương, đoàn thể và các tổ chức xã hội khác.

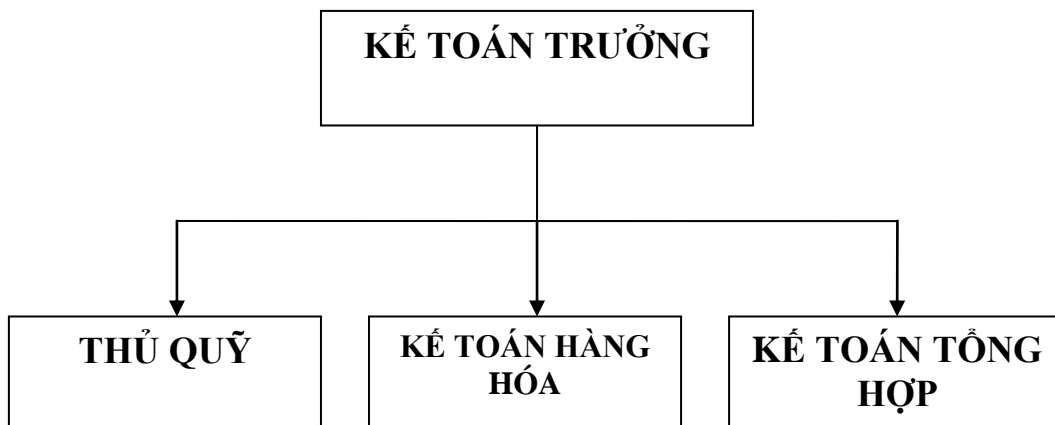
- **Phòng kế hoạch và thị trường**: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình kinh doanh của Công ty. Giúp ban Giám đốc nghiên cứu thị trường, tìm hiểu đối tác liên doanh liên kết mở rộng thị trường tiêu thụ.

- **Phòng tài chính kế toán**: Với chức năng cơ bản là hạch toán, quản lý vốn và tài sản. Có nhiệm vụ ghi chép phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác các số liệu thông tin kế toán và báo cáo kế toán làm căn cứ cơ sở cho việc kiểm tra giám sát tình hình quản lý tài sản, tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Alpha.

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty là tập hợp những cán bộ công nhân viên kế toán cùng những trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty. Công ty Cổ phần Alpha tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Nhiệm vụ của phòng kế toán là phòng tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính, tổ chức hạch toán theo quy định của Nhà nước về toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, thu thập xử lý các thông tin kế toán ban đầu, thực hiện chế độ hạch toán và quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ Phần Alpha

- Chức năng nhiệm vụ:

- **Kế toán trưởng:** Tổ chức và phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên kế toán trực tiếp kiểm tra nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ và báo cáo trước khi trình Giám đốc. Cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán trong đơn vị, kiểm tra kiểm soát việc chấp hành quy chế tài chính và luật pháp.

- **Thủ quỹ:** quản lý quỹ tiền mặt của Công ty, thực hiện thu chi tiền mặt theo các chứng từ hợp lệ có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và Kế toán trưởng.

- **Kế toán hàng hóa:** theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa trong toàn công ty.

- **Kế toán tổng hợp:** theo dõi tình hình tăng, giảm và sử dụng tài sản cố định, theo dõi các khoản mục tạm ứng, công nợ... ghi chép các sổ sách, tập hợp chứng từ, lập báo cáo tổng hợp, giúp kế toán trưởng thực hiện các công việc tính giá thành sản phẩm, báo cáo lãi lỗ, bảng kê khai và các báo cáo tài chính đầy đủ, đúng hạn theo quy định.

2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam
- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Giá trị thực tế của hàng hóa xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Kỳ lập báo cáo theo quý, năm

2.1.4.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản

Công ty Cổ phần Alpha tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

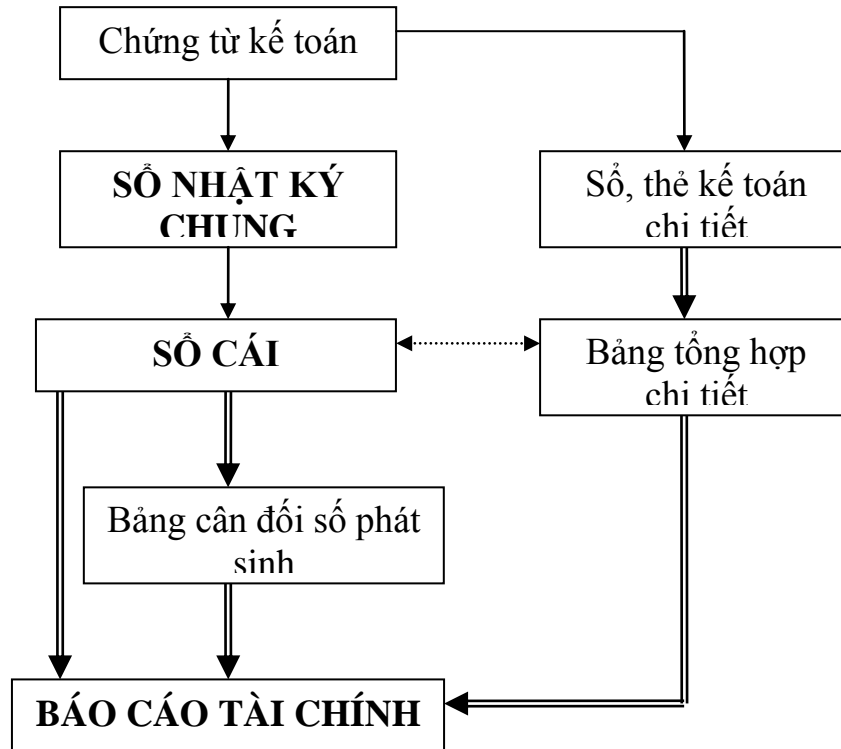
2.1.4.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh

đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.



- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←──────────→

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ phần Alpha

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết các tài khoản.
- Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung là: tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Alpha bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alpha là công ty thương mại cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính cho những chiến lược mang tính tài chính của Công ty.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Alpha

2.2.1.1 Nội dung của doanh thu tại Công ty Cổ phần Alpha

Doanh thu chủ yếu của Công ty Cổ phần Alpha là doanh thu bán các loại hàng hóa như sắt thép cho các công trình xây dựng. Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ là bán hàng trực tiếp, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng nên hàng hóa của Công ty bao gồm:

- Thép thanh (Steel rebars): D10mm – D41mm
- Thép thanh (Steel rebars): D10mm – D43mm

- Thép cuộn vắn (Rebars in coils): D8,0mm – D12mm
- Thép cuộn trơn (Steel wire rods): D5,5mm – D14mm

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

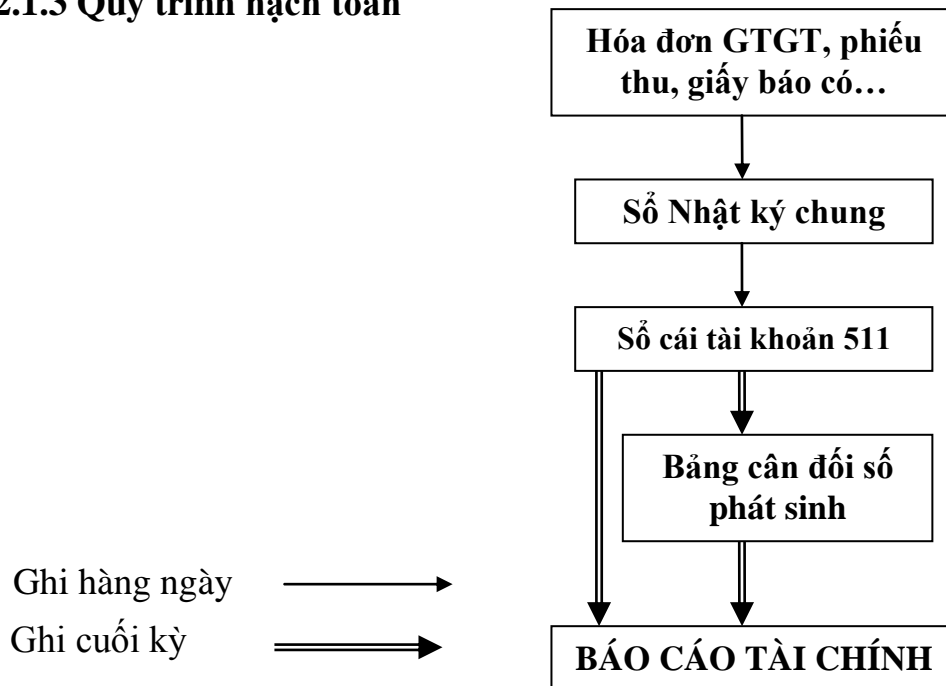
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.2.1.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty CP Alpha

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

- Cuối tháng, kế toán tiến hàng cộng số liệu trên Sổ cái các TK 511,131,3331... lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 09/12/2012 bán thép cho công ty Cổ phần xây dựng số 5 Hải Phòng thanh toán bằng tiền mặt số tiền là 17.974.500, thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000149 (Biểu số 2.5), Phiếu thu số 157 (Biểu số 2.6) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111 : 19.771.950

Có TK 511 : 17.974.500

Có TK 3331: 1.797.450

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.7) và từ Sổ nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.8), Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 333.

Từ Sổ cái các TK được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT
**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: **0000149**Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA**

Mã số thuế: 0200549774

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5 - Đông Hải - Hải An - HP

Điện thoại: 0313.559076 – 0313.978177 Fax:0313.559076

Số tài khoản: 63855499 NH ACB Quán Toan, HP-14021393580089 Techcombank-Văn Cao-HP

Họ tên người mua hàng: Ông Hoàng Văn Quý

Tên đơn vị: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5 HẢI PHÒNG**

Mã số thuế: 0200154575

Địa chỉ: Số 1190 Trần Nhân Tông – Kiến An – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM . Số tài khoản:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thép cây LD ϕ 10 - ϕ 12	kg	450	15.850	7.132.500
2	Thép cây LD ϕ 14 - ϕ 22	kg	695	15.600	10.842.000
Cộng tiền hàng					17.974.500
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.797.450
Tổng cộng tiền thanh toán					19.771.950
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng ./.					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Phiếu thu số 157

Đơn vị: Công ty CP Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông
Hải-Hải An-HP

Mẫu số: 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Số:157

Nợ 111: 19.771.950

Có 511:17.974.500

Có 3331: 1.797.450

Họ tên người nộp tiền: **Ông Hoàng Văn Quý**

Địa chỉ: **Công ty CPXD Số 5- Hải Phòng**

Lý do nộp: **Thanh toán tiền hàng**

Số tiền: **19.771.950** (Viết bằng chữ): **Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng./.**

Kèm theo:.....01..... chứng từ gốc

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người

lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.7: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
06/12	PT 157	06/12	Bán thép cho cty CPXD Số 5 - HP			111 511 3331	19.771.950	17.974.500 1.797.450
08/12	PC 100	08/12	Thanh toán tiền điện thoại T11			642 133 111	1.062.127 106.213	1.138.340
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng ACB thu lãi vay			635 112	9.562.500	9.562.500
08/12	GBC 0812	08/12	Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	150.000.000	150.000.000
08/12	GBC 0812	08/12	Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng MB thu gốc			311 112	250.000.000	250.000.000
09/12	PT 159	09/12	Bán thép cho cty CPXD Số 5 - HP			111 511 3331	17.503.200	15.912.000 1.591.200
09/12	PT 160	09/12	Bán thép cho cty CP 3-2 HP			111 511 3331	19.570.100	17.791.000 1.779.100
09/12	PC 104	09/12	Thanh toán tiền điện T11			642 133 111	789.263 78.926	868.189
09/12	GBC 0912	09/12	Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	51.500.000	51.500.000
09/12	GBC 0912	09/12	Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
09/12	GBN 0912	09/12	Ngân hàng MB thu gốc			311 112	150.000.000	150.000.000
09/12	GBN 0912	09/12	Ngân hàng MB thu lãi			635 112	1.768.000	1.768.000
10/12	HĐ 0000107	10/12	Mua thép Cty CPTM&XLCN HP			156 133 331	324.143.490 32.414.349	356.557.839
							
			Cộng phát sinh năm				295.503.608.126	295.503.608.126

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: TK 511

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dò g		Nợ	Có
			- Số phát sinh quý IV					
							
05/12	PT 156	05/12	Bán cho cty CPXD Thùy Lợi			111		17.903.600
06/12	PT 157	06/12	Bán cho cty CPXD số 5			111		17.974.500
06/12	PT 158	06/12	Bán cho cty CPĐT&PT ACT			111		10.904.800
09/12	PT 159	09/12	Bán cho cty CPXD số 5			111		15.912.000
09/12	PT 160	09/12	Bán cho cty CP 3-2			111		17.791.000
10/12	PT 161	10/12	Bán cho cty CPTM Hải Trường			111		16.690.912
12/12	PT 162	12/12	Bán cho cty CPXD số 5			111		17.997.800
14/12	PT 163	14/12	Bán cho cty CP 3-2			111		14.957.500
15/12	PT 164	15/12	Bán cho cty CPXD số 5			111		17.839.200
17/12	PT 166	17/12	Bán cho cty thép Thùy Dương			111		13.696.800
19/12	HĐ 159	19/12	Bán thép cho cty Nam Sơn			131		1.000.035.000
19/12	HĐ 160	19/12	Bán cho cty Thành Đức			131		892.044.400
20/12	PT 167	20/12	Bán cho cty CP 3-2			111		6.318.000
20/12	PT 168	20/12	Bán cho cty CPXD 363			111		17.783.000
20/12	PT 169	20/12	Bán cho cty thép Thùy Dương			111		13.759.200
24/12	HĐ 164	24/12	Bán cho cty Thành Đức			131		918.589.000
24/12	PT 170	24/12	Bán cho cty Ngọc Lương			111		9.195.600
26/12	HĐ 166	26/12	Bán cho cty Nam Sơn			131		909.500.000
27/12	HĐ 167	27/12	Bán cho cty Song Hoàng			131		402.992.500
28/12	HĐ 168	28/12	Bán cho cty Thành Đức			131		1.009.656.000
28/12	HĐ 169	28/12	Bán cho cty XD Tùng Sơn			131		218.832.500
28/12	PT 171	28/12	Bán cho cty CPXD 363			111		17.794.000
28/12	PT 172	28/12	Bán lẻ			111		19.925.000
28/12	PT 173	28/12	Bán cho cty CPXD 363			111		17.700.000
30/12	PT 174	30/12	Bán lẻ			111		5.530.000
30/12	PT 175	30/12	Bán cho cty CPXD 363			111		17.937.500
31/12	PT 176	31/12	Bán lẻ			111		5.812.500
31/12	PT 177	31/12	Bán cho cty CPXD 363			111		18.009.250
31/12	PKT 050	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV			911	12.826.542.944	
			- Cộng phát sinh quý IV				12.826.542.944	12.826.542.944

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Alpha

2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Alpha

Tại Công ty Cổ phần Alpha, để phản ánh giá vốn hàng xuất bán Công ty sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

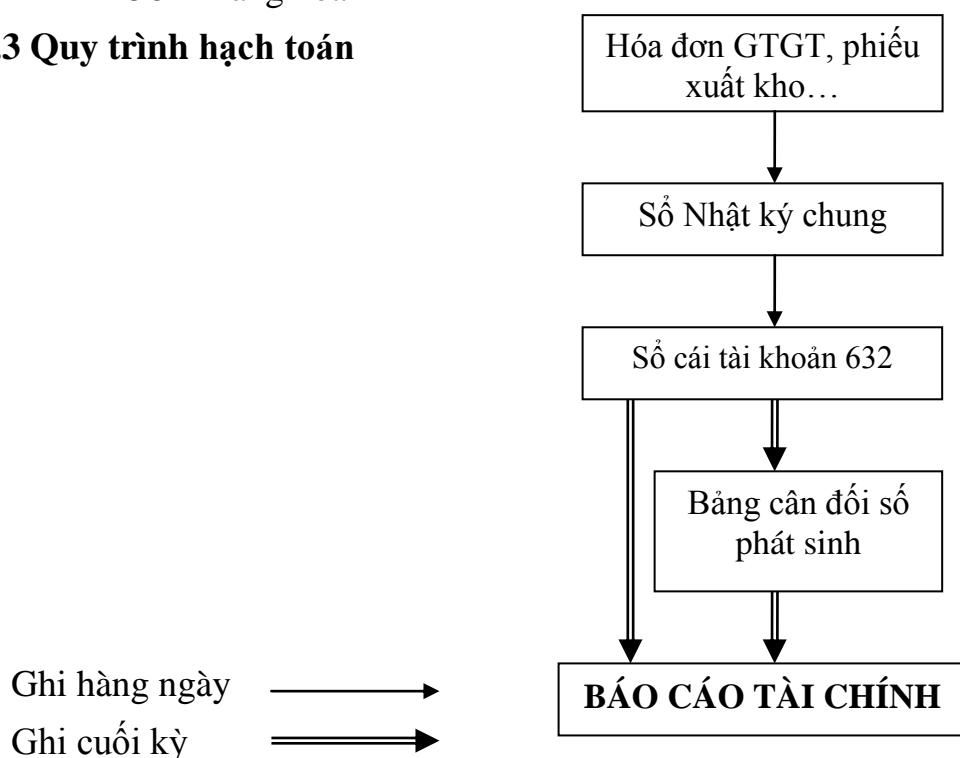
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Thẻ kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.10: Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty CP Alpha

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái các TK 156, 632...

- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập Bảng cân đối số phát sinh

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2: (minh họa tiếp ví dụ 1.1)

Tính đơn giá xuất kho của thép $\phi 10$ - $\phi 12$ theo phương pháp bình quân cả kỳ

- Số dư đầu kỳ (30/11) = 44.299,7kg – Đơn giá: 15.531/kg

- Nhập trong tháng 12 = 0 kg

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{44.299,7 \times 15.531}{44.299,7} = 15.531/\text{kg}$$

Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 311 (biểu số 2.11)

Cuối tháng, căn cứ vào phiếu xuất kho số 311 (biểu số 2.11) và các phiếu xuất khác kế toán lập Bảng kê phiếu xuất cho thép LD $\phi 10$ - $\phi 12$ (biểu số 2.12).

Từ Bảng kê phiếu xuất kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) và Sổ cái tài khoản 632 (biểu số 2.14)

Từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 311**Đơn vị:** Công ty CP Alpha**Địa chỉ:** Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông
Hải-Hải An-HP**Mẫu số:** 02-VT(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Số: 311

Họ và tên người giao: **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5**Địa chỉ: **Số 1190 Trần Nhân Tông – Kiến An - HP**Xuất tại kho: **Vật tư**địa điểm **Kiểu Sơn – Đằng Lâm - HP**

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây LD ϕ 10- ϕ 12		kg	450	450		
2	Thép cây LD ϕ 14- ϕ 22		kg	695	695		
	Cộng						

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):...../.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....01.....

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

**Người lập
phiếu****Người giao
hàng****Thủ kho
(Ký, họ tên)****Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**

Biểu số 2.12: Bảng kê phiếu xuất

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-
Hải An-HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT**

Số: 165

Tháng 12 năm 2012

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép LD Φ 10- Φ 12

STT	Ngày tháng	Số PX	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	06/12/2012	PX 311	450	15.531	6.988.950
2	06/12/2012	PX 312	688	15.531	10.685.328
3	10/12/2012	PX 315	1.054	15.531	16.369.674
4	12/12/2012	PX 316	428	15.531	6.647.268
5	19/12/2012	PX 321	5.680	15.531	88.216.080
6	24/12/2012	PX 325	6.550	15.531	101.728.050
7	26/12/2012	PX 327	5.500	15.531	85.420.500
8	28/12/2012	PX 328	14.850	15.531	230.635.350
9	28/12/2012	PX 330	2.450	15.531	38.050.950
10	28/12/2012	PX 332	750	15.531	11.648.250
11	30/12/2012	PX 334	350	15.531	5.435.850
12	30/12/2012	PX 335	1.250	15.531	19.413.750
13	31/12/2012	PX 336	375	15.531	5.824.125.
14	31/12/2012	PX 337	1.255	15.531	19.491.405
CỘNG			41.630	15.531	646.555.530

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Trích Sổ Nhật ký chung

Mẫu số: S03a-DN

Đơn vị: Công ty CP Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
08/12	PC 104	08/12	Thu tiền điện thoại T11			642 133 111	1.062.127 106.213	1.138.340
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng ACB thu lãi vay			635 112	9.562.500	9.562.500
08/12	GBC 0812	08/12	Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	150.000.000	150.000.000
08/12	GBC 0812	08/12	Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng MB thu gốc			311 112	250.000.000	250.000.000
09/12	PT 159	09/12	Bán thép cho cty CPXD Số 5 - HP			111 511 3331	17.503.200	15.912.000 1.591.200
09/12	PT 160	09/12	Bán thép cho cty CP 3-2 HP			111 511 3331	19.570.100	17.791.000 1.779.100
09/12	PC 107	09/12	Thanh toán tiền điện T11			642 133 111	789.263 78.926	868.189
12/12	HĐ 0000154	12/12	Bán thép cho cty CPĐTXD Số 5 Hải Phòng			111 511 3331	19.797.580	17.997.800 1.799.780
31/12	BKPX 164	31/12	Kết chuyển giá vốn thép ϕ 6 - ϕ 8			632 156	477.581.016	477.581.016
31/12	BKPX 165	31/12	Kết chuyển giá vốn thép ϕ 10 - ϕ 12			632 156	646.555.530	646.555.530
31/12	BKPX 166	31/12	Kết chuyển giá vốn thép ϕ 14 - ϕ 25			632 156	4.280.792.352	4.280.792.352
31/12	BKPX 167	31/12	Kết chuyển thép chặt ngắn dài			632 156	194.704.093	194.704.093
							
			Cộng số phát sinh				295.503.608.126	295.503.608.126

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh quý IV					
							
31/12	BKPX 164	31/12	Kết chuyển giá vốn thép $\phi 6 - \phi 8$			156	477.581.016	
31/12	BKPX 165	31/12	Kết chuyển giá vốn thép $\phi 10 - \phi 12$			156	646.555.530	
31/12	BKPX 166	31/12	Kết chuyển giá vốn thép $\phi 14 - \phi 25$			156	4.280.792.352	
31/12	BKPX 167	31/12	Kết chuyển thép chặt ngắn dài			156	194.704.093	
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển giá vốn quý IV			911		12.590.427.323
			- Cộng phát sinh quý IV				12.590.427.323	12.590.427.323

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**2.2.3.1 Nội dung của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Alpha**

Tại Công ty Cổ phần Alpha, chi phí bán hàng là tài khoản phản ánh các khoản chi phí của bộ phận vận chuyển như các khoản lương của nhân viên vận chuyển hàng hóa.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài khác (tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại...)

Đề hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642.

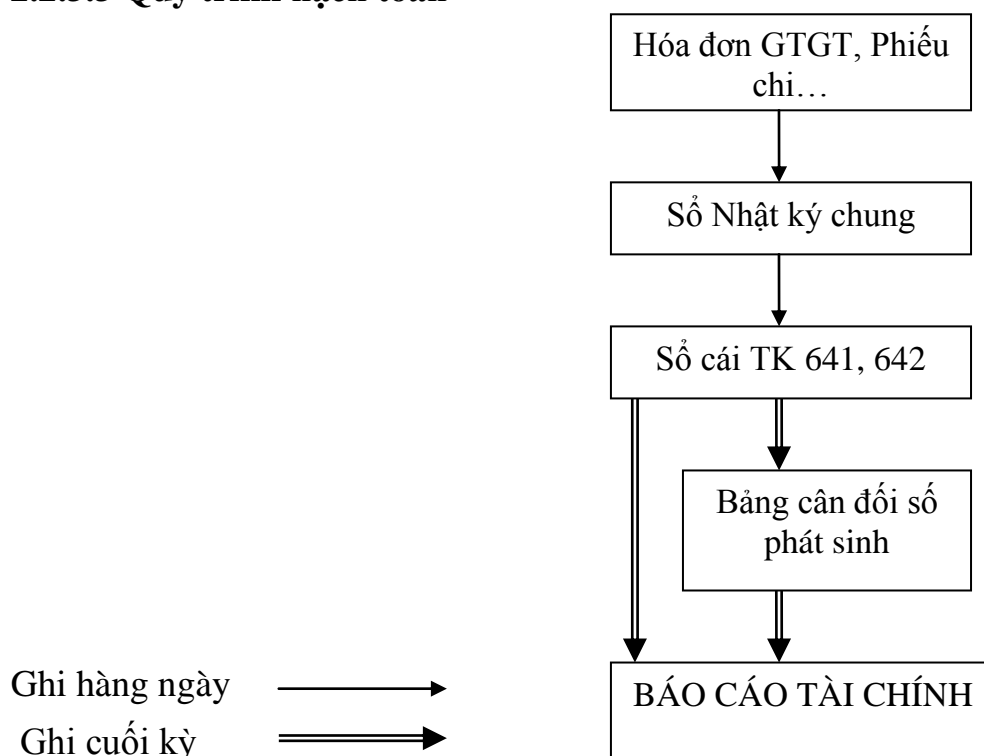
2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.15: Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty CP Alpha**

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 641, TK 642

- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: Ngày 08/12/2012 thanh toán tiền điện thoại tháng 11, tổng số tiền thanh toán là 1.138.340 (thuế GTGT 10%)

Căn cứ vào HĐ GTGT 2977018 (Biểu số 2.16), phiếu chi (Biểu số 2.17) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản Nợ TK 642 : 1.062.127


Nợ TK 133 : 106.213

Có TK 111: 1.138.340

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.19), TK111, TK133

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)		Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/12P Số (No): 2977018 16092612112012	
Mã số thuế: 0200287977-022					
Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng					
Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần Alpha					
Địa chỉ (Address): Km 105+500, Quốc lộ 5, Đông Hải 1, Hải An					
Số điện thoại (Tel): 913245941 Mã số (code): HPG-16-092612 (T5DG4)					
Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK MST: 0200549774					
STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4*5
	Kỳ cước tháng: 11/2012				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				1.062.127
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.062.127
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					106.213
(1 + 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1 + 2):					1.138.340
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng					
Người nộp tiền ký (Signature of payer)				Ngày 08 tháng 12 năm 2012 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)	

Biểu số 2.17: Phiếu chi số 104

Đơn vị: Công ty CP Alpha
Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông
 Hải-Hải An-HP

Mẫu số: 02-TT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Quyển số:06

Số:104

Nợ TK 642: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có 111: 1.138.340

Họ tên người nhận tiền: **Bà Đàm Thị Kim Hoa**Địa chỉ: **Công ty CP Alpha**Lý do chi: **Nộp tiền điện thoại**Số tiền: **1.138.340** (Viết bằng chữ): **Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng./.**

Kèm theo:.....01..... chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
 (Ký, họ tên,
 đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Người nhận tiền
 (Ký, họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.18: Trích Sổ Nhật ký chung**Đơn vị:** Công ty CP Alpha**Địa chỉ:** Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP**Mẫu số:** S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đồng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
08/12	PC 104	08/12	Thanh toán tiền điện thoại T11			642 133 111	1.062.127 106.213	1.138.340
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng ACB thu lãi vay			635 112	9.562.500	9.562.500
08/12	GBC 0812	08/12	Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	150.000.000	150.000.000
08/12	GBC 0812	08/12	Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng MB thu gốc			311 112	250.000.000	250.000.000
09/12	PT 159	09/12	Bán thép cho cty CPXD Số 5 - HP			111 511 3331	17.503.200	15.912.000 1.591.200
09/12	PT 160	09/12	Bán thép cho cty CP 3-2 HP			111 511 3331	19.570.100	17.791.000 1.779.100
09/12	PC 107	09/12	Thanh toán tiền điện T11			642 133 111	789.263 78.926	868.189
09/12	GBC 0912	09/12	Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	51.500.000	51.500.000
09/12	GBC 0912	09/12	Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
09/12	GBN 0912	09/12	Ngân hàng MB thu gốc			311 112	150.000.000	150.000.000
09/12	GBN 0912	09/12	Ngân hàng MB thu lãi			635 112	1.768.000	1.768.000
10/12	HĐ 000010 7	10/12	Mua thép Cty CPTM&XLCN HP			156 133 331	324.143.490 32.414.349	356.557.839
							
			Cộng phát sinh năm				295.503.608.126	295.503.608.126

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh Quý IV					
							
01/12	PC 100	01/12	Mua BH cho ôtô			111	5.949.545	
08/12	PC 104	08/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11			111	1.062.127	
09/12	PC 107	09/12	Thanh toán tiền điện tháng 11			111	789.263	
22/12	HĐ 0001266	22/12	Mua xăng dầu cty TNHH TMXD Đông Hải			111	3.537.000	
28/12	HĐ 0001290	28/12	Mua xăng dầu cty TNHH TMXD Đông Hải			111	904.545	
28/12	HĐ 0109226	28/12	Đăng kiểm xe cơ giới			111	209.091	
30/12	HĐ 0027427	30/12	Mua xăng dầu cty XD quân đội KV1			111	904.545	
31/12	BLT12	31/12	Tiền lương tháng 12 của bộ phận QLDN			334	13.980.000	
31/12	BPBL T12	31/12	Trích BHXH, BHYT, TN			338	2.801.400	
31/12		31/12	Quỹ mất việc làm			351	1.248.000	
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV			911		64.947.076
			- Cộng phát sinh Quý IV				64.947.076	64.947.076

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Alpha

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Alpha

Hoạt động của Công ty chủ yếu chú trọng vào việc cung cấp nguyên vật liệu cho các công trình nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

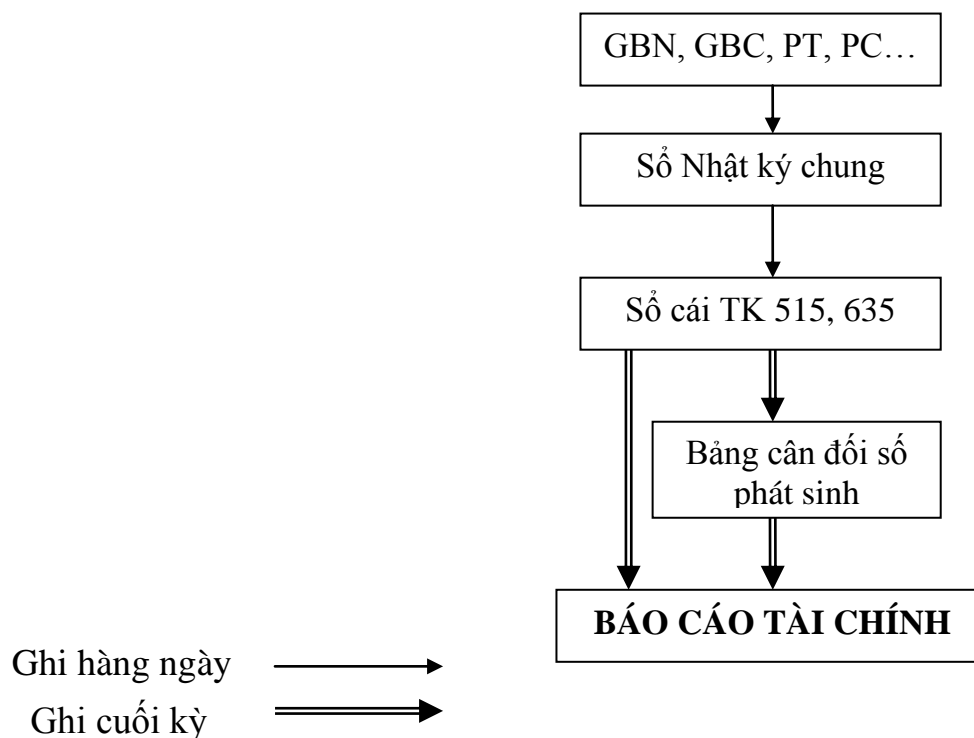
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.20: Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty CP Alpha

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, Giấy báo có của ngân hàng, Phiếu chi, phiếu thu, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.

- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.4: Ngày 09/12/2012 phát sinh nghiệp vụ: Ngân hàng MB thu lãi 1.768.056.

Căn cứ vào Giấy báo nợ (Biểu số 2.21) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 635 : 1.768.056

Có TK 112 : 1.768.056

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.24), và kế toán căn cứ vào giấy báo nợ ghi vào Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng TK 112 tại ngân hàng MB.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.5: Ngày 25/12/2012 ngân hàng ACB thông báo số tiền lãi nhập vốn là 15.198.

Căn cứ vào Giấy báo có (Biểu số 2.22) và các chứng từ kế toán có liên quan khác kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 112 : 15.198

Có TK 515 : 15.198

Từ bút toán trên kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.25), và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng ACB.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính

Biểu số 2.21: Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI LeChan (LC)			
		GIẤY BÁO NỢ	
Ngày:	09/12/2012	Số chứng từ:	
Mã GD:	LD1122100057		
Tài khoản/ khách hàng			

Tài khoản Nợ	2521100403002 CTY CP ALPHA	Số tiền:	1,768,056.00

Tài khoản Có	LD1122100057	Số tiền:	1,768,056.00

Số tiền bằng chữ:	Số tiền:		1,768,056.00
Một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi sáu đồng chẵn			

Diễn giải: THU LÃI TKV SỐ 1122100057			
Lập biểu		Kiểm soát	
		Kế toán trưởng	

Biểu số 2.22: Giấy báo có

Ngân hàng Á Châu
Chi nhánh: ACB – PGD TD PLAZA

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 25-12-2012

Mã GDV: NGUYỄN THỊ THU TRANG
Mã KH: 749942
Số GD:

Kính gửi: CTY CP ALPHA
Mã số thuế: 0200549774

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 63855499

Số tiền bằng số: 15,198.00

Số tiền bằng chữ: MƯỜI LĂM NGÀN MỘT TRĂM CHÍN MƯỜI TÁM ĐỒNG CHẴN

Nội dung: ## Lãi nhập vốn ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.23: Trích Sổ Nhật ký chung

NT ghi sổ		Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đồng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
		SH	NT					Nợ	Có
								
09/12	HĐ 0000152	09/12		Bán thép cho cty CP 3-2 HP			111 511 3331	19.570.100	17.791.000 1.779.100
09/12	PC 107	09/12		Thanh toán tiền điện T11			642 133 111	789.263 78.926	868.189
09/12	GBC 0912	09/12		Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	51.500.000	51.500.000
09/12	GBC 0912	09/12		Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
09/12	GBN 0912	09/12		Ngân hàng MB thu gốc			311 112	150.000.000	150.000.000
09/12	GBN 0912	09/12		Ngân hàng MB thu lãi			635 112	1.768.056	1.768.056
10/12	HĐ 0000107	10/12		Mua thép Cty CPTM&XLCN HP			156 133 331	324.143.490 32.414.349	356.557.839
10/12	PT 161	10/12		Bán thép cho Cty CPTM Hải Trường HP			111 511 3331	18.360.003	16.690.912 1.696.091
10/12	GBC 1012	10/12		Ông Hiếu nộp tiền NH ACB			112 111	22.500.000	22.500.000
10/12	GBN 10/12	10/12		Thanh toán tiền mua hàng			331 112	17.300.000	17.300.000
10/12	GBN 1012	10/12		Chi phí dịch vụ			635 112	20.000	20.000
								
25/12	GBC 2512	25/12		Ngân hàng ACB trả lãi			112 515	15.198	15.198
25/12	GBN 2512	25/12		Ngân hàng ACB thu gốc			311 112	140.000.000	140.000.000
								
				Cộng phát sinh năm				295.503.608.126	295.503.608.126

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

Biểu số 2.24: Trích Sổ cái TK 635

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-
Hải An-HP(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: TK 635

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT đòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh quý IV					
							
01/12	GBN 0112	01/12	Ngân hàng ACB thu lãi			112	3.245.833	
07/12	GBN 0712	07/12	Ngân hàng ACB thu lãi			112	6.662.500	
09/12	GBN 0912	09/12	Ngân hàng MB thu lãi			112	1.768.056	
10/12	GBN 1012	10/12	Ngân hàng ACB thu lãi			112	5.125.000	
16/12	GBN 1612	16/12	Ngân hàng MB thu lãi			112	2.422.500	
19/12	GBN 1912	19/12	Ngân hàng ACB thu lãi			112	5.295.833	
20/12	GBN 2012	20/12	Ngân hàng ACB thu lãi			112	3.416.666	
26/12	GBN 2612	26/12	Ngân hàng ACB thu lãi			112	8.541.667	
28/12	GBN 2812	28/12	Ngân hàng thu lãi			112	3.345.028	
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý IV			911		171.420.079
			- Cộng phát sinh quý IV				171.420.079	171.420.079

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Trích Sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh quý IV					
							
25/12	GBC 25/12	25/12	Ngân hàng ACB trả lãi			112		15.198
31/12	GBC 31/12	31/12	Ngân hàng MB trả lãi			112		20.023
31/12	PKT 050	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý IV			911	504.566	
			- Cộng phát sinh quý IV				504.566	504.566

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2012 Công ty Cổ phần Alpha không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha**2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng**❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Phiếu kế toán

❖ *Tài khoản sử dụng*

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- Các TK khác có liên quan: 821, 3334, ...

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 821, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6: Xác định kết quả kinh doanh quý IV

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 12.826.542.944
- Doanh thu tài chính	: 504.566
- Giá vốn hàng bán	: 12.590.427.323
- Chi phí bán hàng	: 42.634.783
- Chi phí tài chính	: 171.420.079
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	: 64.947.076

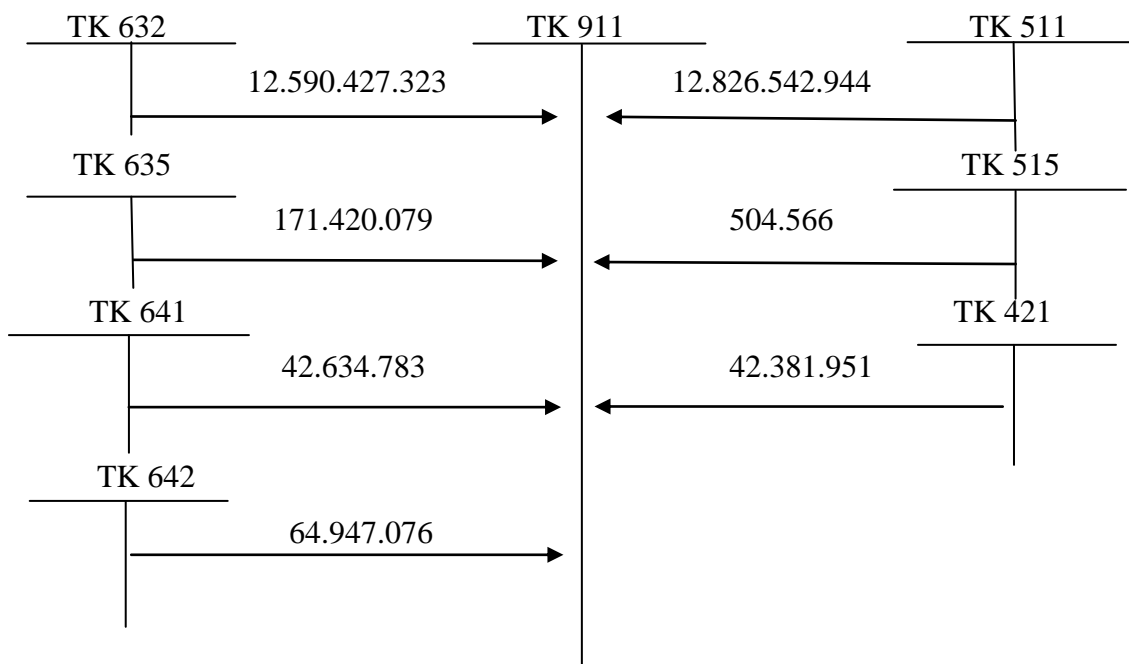
*/ Kết quả kinh doanh = (12.826.542.944 + 504.566) – 12.590.427.323 – (42.634.783 + 171.420.079 + 64.947.076) = (42.381.951)

=> Trong quý IV doanh nghiệp kinh doanh lỗ: 42.381.951

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh quý IV lỗ. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 050, 051, 052 (Biểu số 2.26, 2.27, 2.28).

Từ Phiếu kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.29), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.30).

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.31) và các Báo cáo tài chính.



Biểu số 2.26: Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Alpha				
Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số: 050				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/c doanh thu bán hàng quý IV	511	911	12.826.542.944
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515	911	504.566
	Cộng			12.827.047.510
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười hai tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng./.</i>				
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Alpha
Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 051
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/c giá vốn hàng bán quý IV	911	632	12.590.427.323
2	K/c chi phí tài chính quý IV	911	635	171.420.079
3	K/c chi phí bán hàng quý IV	911	641	42.634.783
4	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV	911	642	64.947.076
	Cộng			12.869.429.261

Số tiền viết bằng chữ: *Mười hai tỷ tám trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi một đồng./.*

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Alpha
Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 052
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/c lỗ quý IV	421	911	42.381.951
	Cộng			42.381.951

Số tiền viết bằng chữ: *Bốn mươi hai triệu ba trăm tám mươi một nghìn chín trăm năm mươi một đồng./.*

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: Trích Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đồng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
08/12	PC 100	08/12	Thu tiền điện thoại T11			642 133 111	1.062.127 106.213	1.138.340
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng ACB thu lãi vay			635 112	9.562.500	9.562.500
08/12	GBC 0812	08/12	Ông Hiếu nộp tiền NH MB			112 111	150.000.000	150.000.000
08/12	GBC 0812	08/12	Nguyễn Bá Đình nộp tiền NH MB			112 111	100.000.000	100.000.000
08/12	GBN 0812	08/12	Ngân hàng MB thu gốc			311 112	250.000.000	250.000.000
09/12	PT 159	09/12	Bán thép cho ctv CPXD Số 5 - HP			111 511 3331	17.503.200	15.912.000 1.591.200
							
31/12	PKT 050	31/12	Kết chuyển doanh thu hàng bán quý IV			511 911	12.826.542.944	12.826.542.944
31/12	PKT 050	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý IV			515 911	504.566	504.566
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV			632 911	12.590.427.323	12.590.427.323
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý IV			635 911	171.420.079	171.420.079
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV			641 911	42.634.783	42.634.783
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV			642 911	64.947.076	64.947.076
31/12	PKT 052	31/12	Lợi nhuận sau thuế quý IV			421 911	42.381.951	42.381.951
			Cộng số phát sinh				295.503.608.126	295.503.608.126

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 911**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Alpha**Mẫu số S03b-DN****Địa chỉ:** Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh quý IV					
							
31/12	PKT 050	31/12	Kết chuyển doanh thu hàng bán quý IV			511		12.826.542.944
31/12	PKT 050	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý IV			515		504.566
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV			632	12.590.427.323	
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý IV			635	171.420.079	
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV			641	42.634.783	
31/12	PKT 051	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV			642	64.947.076	
31/12	PKT 052	31/12	Lợi nhuận sau thuế quý IV			421		42.381.951
			- Cộng phát sinh quý IV				12.869.429.261	12.869.429.261

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Mẫu số: B02-DN

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông
Hải-Hải An-HP(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2012

Người nộp thuế: Công ty Cổ phần Alpha

Mã số thuế: 0200549774

Địa chỉ trụ sở: Km 105 + 500 – Quốc lộ 5 (Nguyễn Bình Khiêm) – Đông
Hải

Quận Huyện: Hải An

Tỉnh/Thành phố: Hải

Phòng

Điện thoại:

Fax:

Email:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã	Quý này	Quý trước
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12.826.542.944	4.439.564.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	12.826.542.944	4.439.564.802
4. Giá vốn hàng bán	11	12.590.427.323	4.358.576.306
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	193.480.638	80.988.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	504.566	228.991
7. Chi phí tài chính	22	171.420.079	82.980.679
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8. Chi phí bán hàng	24	42.634.783	35.897.089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	64.947.076	49.093.375
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	(42.381.951)	(86.753.656)
11. Thu nhập khác	31	-	-
12. Chi phí khác	32	-	-
13. Lợi nhuận khác	40	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(42.381.951)	(86.753.656)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(42.381.951)	(86.753.656)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Lập ngày 20 tháng 02 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA****3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA**

Công ty Cổ phần Alpha là một doanh nghiệp luôn có những chuyên viên tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty Cổ phần Alpha, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha.

3.1.1 Ưu điểm**❖ Về bộ máy quản lý**

Công ty xây dựng một bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng, gọn nhẹ, hợp lý và chất lượng công việc cao.

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty áp dụng theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng nhu cầu quản lý. Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán tại văn phòng Công ty, trong đó kế toán trưởng là người đứng đầu giám sát và quản lý mọi việc. Việc bố trí và xây dựng bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng, kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại Công ty, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

❖ Về đội ngũ kế toán của Công ty

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ chuyên môn tương đối tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc, các nhân viên luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của Công ty.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

Về cơ bản, Công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Ngoài ra còn để tiện cho việc theo dõi và hạch toán, công ty còn mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán.

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi.

❖ Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế GTGT

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này là hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép sự biến động của hàng hóa.

Việc áp dụng phương pháp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên đã tạo điều kiện cho việc phản ánh sự biến động hàng ngày, việc tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp cũng đơn giản hơn.

❖ Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh các khoản thu nhập thực tế và phân phải nộp vào Ngân sách Nhà nước, đồng thời phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của hàng hóa, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng, hay các nhà cung cấp... Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp Ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế gây khó khăn cho công tác kế toán tại doanh nghiệp như:

❖ Về hình thức kế toán

Tuy bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc. Công ty chỉ có 2 cán bộ kế toán và 1 thủ quỹ dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc thì nhiều.

Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính, tuy nhiên Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán mà chỉ vẫn thực hiện thủ công trên Excel nên dễ dẫn đến việc xảy ra nhầm lẫn sai sót.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Là 1 doanh nghiệp thương mại các nghiệp vụ bán hàng là chủ yếu nhưng hiện nay doanh nghiệp chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu tất cả các mặt hàng mà không mở Sổ chi tiết bán hàng vì thế không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng.

Tương tự Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Alpha áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Cuối tháng, Công ty lập Bảng kê phiếu xuất cho từng mặt hàng vì vậy thông tin về giá vốn của từng mặt hàng Công ty có thể lấy trên Bảng kê phiếu xuất.

Để theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mở Sổ cái TK 641, 642 mà không mở Sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí.

❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, Công ty có một số khách hàng nợ quá hạn nhưng vẫn chưa trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Điều này có thể làm thất thoát tài chính của Công ty, dẫn đến Công ty không có nguồn vốn để xoay vòng, mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHA

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Alpha

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì trong công cuộc đổi mới hiện nay, kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia vào việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập

chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học, Ban quản lý Công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài sản của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... để từ đó ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng có vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, điều kiện hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha như sau:

- Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh, hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách và phương pháp kế toán.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán để đưa vào sử dụng trong doanh nghiệp. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha.

3.2.3.1 Hiện đại hóa công tác kế toán

- Hoàn thiện bộ máy kế toán thì trước hết phải nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán bằng việc: cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các khóa học sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc một cách chính xác nhất.

- Công ty nên nhanh chóng đưa phần mềm kế toán vào sử dụng nhằm giảm bớt gánh nặng cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Lựa chọn những phần mềm kế toán phù hợp cho doanh nghiệp. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FASR, BRAVO, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty.

Việc áp dụng phần mềm kế toán vào doanh nghiệp thể hiện sự nhanh chóng thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả công việc của Công ty, tiết kiệm được chi phí và thời gian hơn nâng cao hiệu quả cho Công ty. Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Sau đây e xin giới thiệu 3 phần mềm khá phổ biến được các doanh nghiệp sử dụng:

❖ **Phần mềm kế toán MISASME.NET 2012**

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt, bám sát chế độ kế toán
- Phần mềm này cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.
- Tính chính xác cao. Ít xảy ra các sai sót.
- Tính bảo mật có khả năng cao vì chạy trên công nghệ SQL

Nhược điểm:

- Cấu hình máy yêu cầu khá cao vì chạy trên công nghệ SQL.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự khiến cho kế toán gặp khó khăn trong việc lập báo cáo



Đơn giá 9.950.000đ

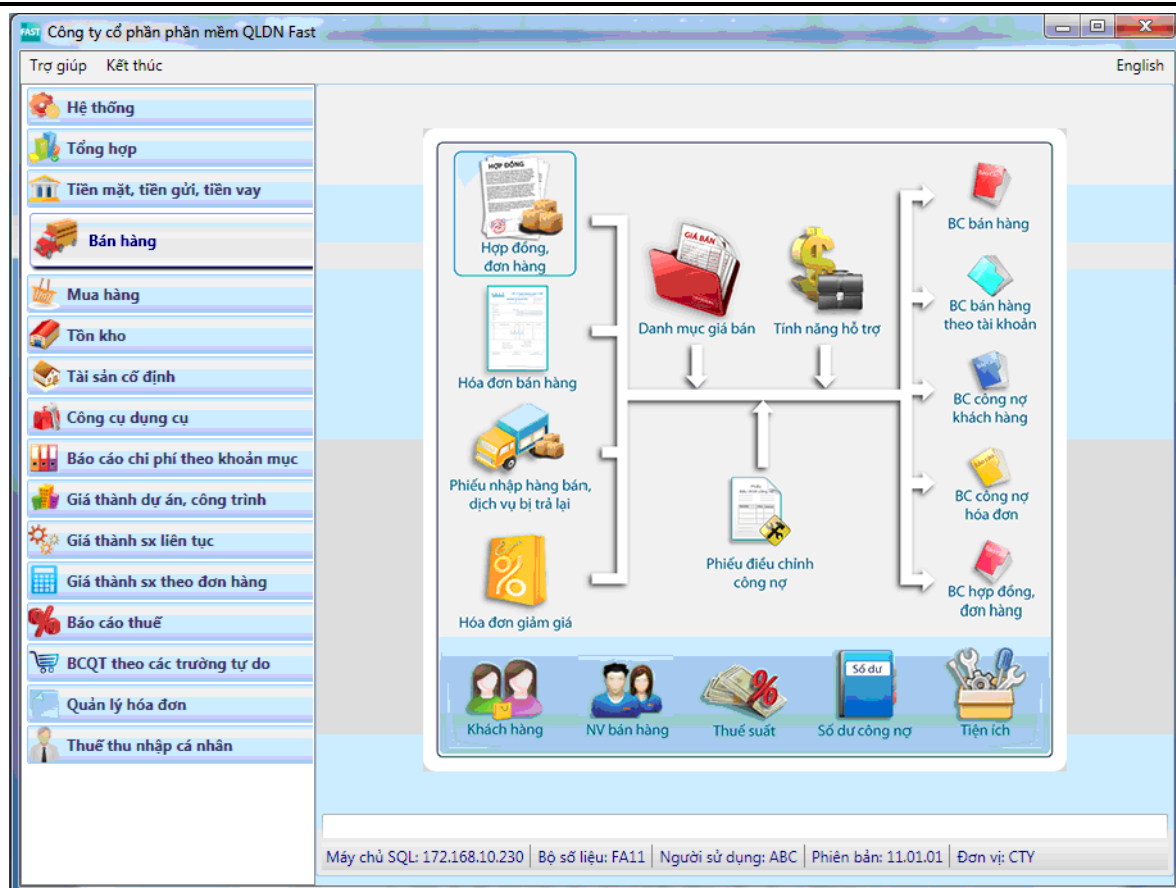
❖ Phần mềm kế toán Fast Accounting

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ bám sát chế độ kế toán hiện hành.
- Tốc độ xử lý nhanh
- Kết xuất ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật không cao
- Dung lượng phần mềm lớn



Đơn giá 6.000.000 – 8.000.000

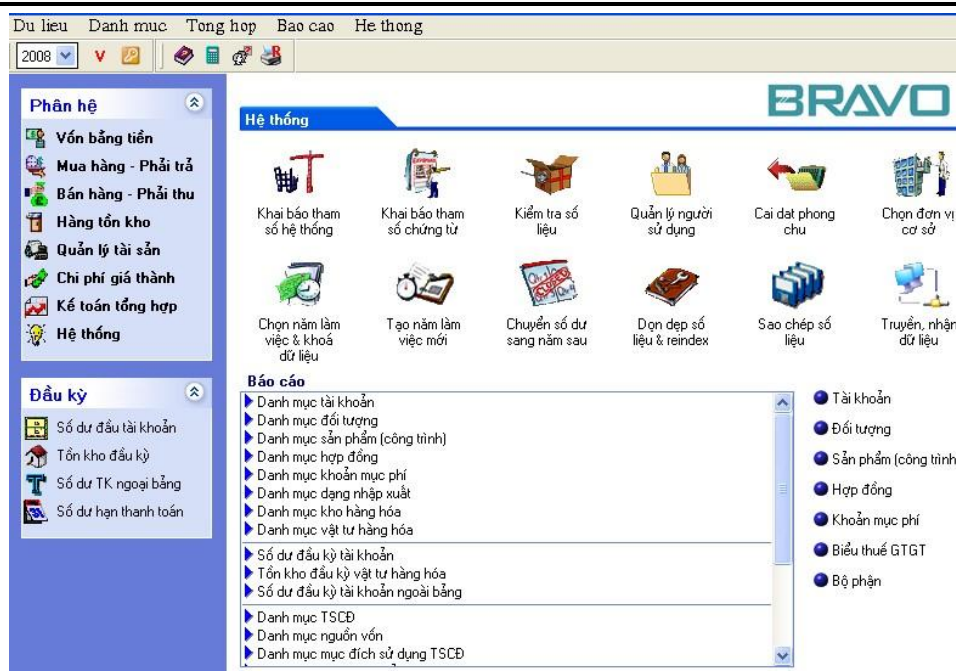
❖ Phần mềm kế toán BRAVO

Ưu điểm:

- Giao diện ổn định dễ sử dụng.
- BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ và có nhiều phân hệ mới.
- Là 1 trong số ít nhà cung cấp hướng theo hình thức customize, tức cho phép phần mềm được hiệu chỉnh tự do. Từ phần mềm cơ bản là Bravo 6.3 se tùy nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng chương trình riêng.
- Phần mềm cho phép liên kết dữ liệu, số liệu có chức năng tìm và tự sửa lỗi dữ liệu.

Nhược điểm:

- Mới chỉ tập trung vào một phiên bản là Bravo 6.3.
- Giá thành phần mềm đắt



Đơn giá: giao động từ 6.000 USD – 10.000 USD (tùy từng doanh nghiệp)

Theo em thì Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mềm này khá phổ biến, dễ sử dụng và giá cả phải chăng.

3.2.3.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Alpha

Là 1 doanh nghiệp thương mại các nghiệp vụ bán hàng là chủ yếu nhưng hiện nay doanh nghiệp chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu tất cả các mặt hàng mà không mở Sổ chi tiết bán hàng vì thế không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng.

Mặc dù thông tin về giá vốn có thể lấy trên Bảng kê phiếu xuất nhưng nếu không có doanh thu từng mặt hàng thì không thể biết được lãi gộp của từng mặt hàng.

Để theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mở Sổ cái TK 641, 642 mà không mở Sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí.

Theo em Công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1), Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu số 3.2) và Bảng tổng hợp Doanh thu (Giá vốn) (biểu số 3.3)

Ví dụ 3.1: Lấy lại *ví dụ 1.1* để ghi vào Sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.4).

Ví dụ 3.2: Lấy lại *ví dụ 2.3* để ghi vào Sổ chi phí SXKD (biểu số 3.5)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: **Mẫu số S35 – DN**
Địa chỉ: (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
 Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....
 Năm:.....
 Quyền số:.....

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ Ư	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	SH	NT			SL	ĐG	TT		Thuế	Khác (521, 531,532)
							Nợ	Có		

Ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ *Kế toán trưởng*
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: **Mẫu số S36 – DN**
Địa chỉ: (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
 (Dùng cho các tài khoản: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)
 Tài khoản:
 Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra		
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh Số dư cuối kỳ						

Ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ *Kế toán trưởng*
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Bảng tổng hợp

Đơn vị: Công ty CP Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU (GIÁ VỐN)

Số hiệu TK:

Năm:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hàng hóa	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 20...

Biểu số 3.4: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty CP Alpha				Mẫu số: S35-DN						
Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)						
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG										
Tên hàng hóa: Thép ϕ 10- ϕ 12										
Năm 2012										
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521,531,532)
							Nợ	Có		
									
06/12	HD 0000149	06/12	Bán cho cty CPXD Số 5	111	450	15.850		7.132.500		
									
			CỘNG							
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên, đóng dấu)				Ngày ... tháng ... năm 20...		

Biểu số 3.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty CP Alpha				Mẫu số: S36-DN					
Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)					
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH									
(Dùng cho các tài khoản: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)									
Tài khoản: 642									
Tên sản phẩm, dịch vụ:									
NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra		
	SH	NT			Nợ	Có	6421	...	6427
			Số dư đầu kỳ						
08/12	PC 104	08/12	Thanh toán tiền điện thoại T 11	111	1.062.127			1.062.127	1.062.127
								
			Cộng phát sinh		394.833.350	394.833.350			
			Số dư cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên, đóng dấu)
-------------------------------------	---

3.2.3.3 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, Công ty có một số khách hàng nợ quá hạn nhưng vẫn chưa trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Điều này có thể làm thất thoát tài chính của Công ty, dẫn đến Công ty không có nguồn vốn để xoay vòng, mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

❖ Cơ sở của việc lập dự phòng

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi Công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà Công ty bị chiếm dụng vốn.

Việc khách hàng chiếm dụng vốn khiến doanh nghiệp không có lượng tiền nhiều để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

❖ Phương pháp trích lập dự phòng

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng được quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Cuối kỳ kế toán, công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi.

Quá hạn thanh toán (t)	Mức trích lập dự phòng
6 tháng < t < 1 năm	30 %
1 năm < t < 2 năm	50 %
2 năm < t < 3 năm	70 %
t > 3 năm	100 %

Ví dụ 3.3: Đến hết ngày 31/12/2012 báo cáo tình hình công nợ của Công ty như sau:

Biểu số 3.6: Báo cáo tình hình công nợ

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2012

STT	Tên Công ty	Dư nợ đến 31/12/2012	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Xí nghiệp tư nhân cơ khí Hồng Tuấn	38.167.000			38.167.000	9 tháng
2	Công ty TNHH Song Hoàng	20.600.000			20.600.000	1 năm 1 tháng 1 ngày
3	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	24.980.000			24.980.000	2 năm 6 tháng
4	Công ty CP Xây dựng số 5	40.348.970	40.348.970			
5	Công ty Cổ phần 3-2	100.670.000	55.890.320	44.779.680		
6	Công ty CPXD Thủy Lợi	76.090.890		76.090.890		
					
	Tổng cộng	789.908.120	310.786.650	395.374.470	83.747.000	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.7: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đơn vị: Công ty Cổ phần Alpha

Địa chỉ: Km 105 + 500 Quốc lộ 5-Đông Hải-Hải An-HP

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
Năm 2012

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Xí nghiệp tư nhân cơ khí Hồng Tuấn	38.167.000	9 tháng	30 %	11.450.100
2	Công ty TNHH Song Hoàng	20.600.000	1 năm 1 tháng 1 ngày	50 %	10.300.000
3	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	24.980.000	2 năm 6 tháng	70%	17.486.000
	Tổng cộng	83.747.000	x	x	39.236.100

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Dựa theo báo cáo trên thì Công ty cần trích lập dự phòng năm 2012 đối với các khoản nợ sau:

- Khoản nợ 38.167.000 của Xí nghiệp tư nhân cơ khí Hồng Tuấn theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 có hạn thanh toán là ngày 31/03/2012, đã quá hạn thanh toán 9 tháng.
- Khoản nợ 20.600.000 của Công ty TNHH Song Hoàng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 có hạn thanh toán là ngày 29/11/2011, đã quá hạn 1 năm 1 tháng.
- Khoản nợ 24.980.000 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 có hạn thanh toán là ngày 30/06/2010, đã quá hạn 2 năm 6 tháng

Tuy nhiên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

Theo như *ví dụ 3.3* kế toán sẽ tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi:
 $38.167.000 \times 30 \% = 11.450.100$
 $20.600.000 \times 50 \% = 10.300.000$
 $24.980.000 \times 70 \% = 17.486.000$

Kế toán định khoản: Nợ TK 6422 : 39.236.100

Có TK139: 39.236.100

Kế toán lập Phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái

KẾT LUẬN

Ngày nay, muốn tồn tại được, các doanh nghiệp phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và liên tục mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất để tiến kịp với công cuộc đổi mới của đất nước. Công ty Cổ phần Alpha luôn phấn đấu để khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Để có được vị trí như hiện nay, một phần của thành công đó không thể không kể đến sự đóng góp của công tác kế toán. Công ty đang chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện để phục vụ cho công tác quản lý ngày càng tốt hơn mà trong đó khâu đóng vai trò quan trọng là doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại Công ty tương đối hoàn thiện, song bên cạnh đó không tránh khỏi những thiếu sót.

Cùng với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, áp dụng vào thực tiễn kế toán đã được tiếp cận tại Công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Alpha.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty Cổ phần Alpha đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Phạm Thị Thu Thảo

